



VINACAFÉ BH



**BÁO CÁO**  
**THƯỜNG NIÊN**  
VCF ANNUAL REPORT 2012

## SỨ MỆNH

*"Nâng cao giá trị cà phê Việt Nam bằng cách: xác lập tiêu chuẩn an toàn của cà phê trong nước, cung cấp cho thị trường các sản phẩm đa dạng có nguồn gốc từ cà phê; làm cho cà phê được yêu thích và sử dụng hàng ngày. Cùng với cà phê, các sản phẩm khác của Vinacafé Biên Hòa sẽ đến với người tiêu dùng thông qua các thương hiệu mạnh, hệ thống phân phối mạnh và uy tín, mô hình cung ứng độc đáo, trên cơ sở tuân thủ các giá trị cốt lõi của công ty."*

1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY	03
2. THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	09
3. BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	12
4. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN	21
5. Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN NỘI BỘ	47
6. THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN	50
7. TỔ CHỨC NHÂN SỰ	52
8. CỔ ĐÔNG GÓP VỐN VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	56



## GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG
2. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP
3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



## 1. NHỮNG SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

**1968 - 1969**  
NHÀ MÁY CÀ PHÊ CORONEL

Ông Marcel Coronel, quốc tịch Pháp, cùng vợ là bà Trần Thị Khánh khởi công xây dựng Nhà máy Cà phê CORONEL tại Khu Kỹ nghệ Biên Hòa (nay là Khu Công nghiệp Biên Hòa 1), tỉnh Đồng Nai với mục đích giảm thiểu chi phí vận chuyển cà phê về Pháp. Nhà máy Cà phê CORONEL có công suất thiết kế 80 tấn cà phê hòa tan/năm, với toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị được nhập khẩu từ Đức, tự hào là nhà máy chế biến cà phê hòa tan đầu tiên trong khu vực Đông Dương.

**1975**  
NHÀ MÁY CÀ PHÊ BIÊN HÒA

Khi Việt Nam thống nhất, gia đình Coronel trở về Pháp. Họ bàn giao Nhà máy cho Chính phủ Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam. Nhà máy Cà phê Coronel được đổi tên thành Nhà máy Cà phê Biên Hòa và được giao cho Tổng cục Công nghệ Thực phẩm quản lý. Tại thời điểm bàn giao, Nhà máy Cà phê Coronel vẫn chưa chạy thử thành công bởi dù rất đam mê công việc, nhưng vốn là kỹ sư nông nghiệp, ông Marcel Coronel chưa thể vận hành được hệ thống dây chuyền phức tạp gồm rất nhiều máy móc, thiết bị chế biến cà phê hòa tan.

**1977**  
MẸ CÀ PHÊ HÒA TAN ĐẦU TIÊN

Vào đúng dịp kỷ niệm 2 năm ngày Việt Nam thống nhất, mẹ cà phê hòa tan đầu tiên ra lò trước sự vui mừng của toàn thể cán bộ công nhân viên Nhà máy. Trong suốt hai năm trước đó, tập thể các kỹ sư, công nhân đã ngày đêm cùng nhau tìm tòi, nghiên cứu để có thể vận hành thành công nhà máy. Năm 1977, Nhà máy cà phê Biên Hòa đã ghi một dấu mốc quan trọng trong lịch sử phát triển của mình và cũng là của ngành cà phê Việt Nam: lần đầu tiên, Việt Nam sản xuất thành công cà phê hòa tan.

**1978**  
CÀ PHÊ HÒA TAN XUẤT KHẨU

Theo Nghị định thư Việt Nam ký kết với các nước trong hệ thống XHCN về hàng đổi hàng, từ 1978, Nhà máy Cà phê Biên Hòa bắt đầu xuất khẩu cà phê hòa tan đến các nước thuộc Liên Xô cũ và Đông Âu.

**1983**  
RA ĐỜI THƯƠNG HIỆU VINACAFÉ

Trong suốt những năm 1980, Nhà máy Cà phê Biên Hòa vừa nghiên cứu cải tiến kỹ thuật để xây dựng quy trình sản xuất chuẩn, vừa sản xuất cà phê hòa tan xuất khẩu theo đơn đặt hàng của nhà nước. Cùng với địa chỉ sản xuất được ghi trên từng bao bì sản phẩm, tên "Vinacafé" bắt đầu xuất hiện ở thị trường Đông Âu bắt đầu từ 1983, đánh dấu thời điểm ra đời của thương hiệu Vinacafé.

**1990**  
TRỞ LẠI VIỆT NAM

Vào cuối những năm 1980, những diễn biến bất lợi của hệ thống XHCN ở Liên Xô cũ và Đông Âu đã khiến các đơn đặt hàng cà phê hòa tan Vinacafé ngày càng giảm. Năm 1990, Vinacafé chính thức quay trở lại thị trường Việt Nam dù trước đó một số sản phẩm của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đã được tiêu thụ ở thị trường này. Khi quay lại Việt Nam, các sản phẩm của Nhà máy cà phê Biên Hòa rất khó tìm được chỗ đứng, do trước đó thị trường cà phê Việt Nam đã được định hình bởi thói quen uống cà phê rang xay pha tạp (hệ lụy từ chính sách ngăn sông cấm chợ, dẫn đến thiếu hụt cà phê nguyên liệu, người ta phải độn ngô và nhiều phụ gia khác vào cà phê).

**1993**  
CPHT 3 TRONG 1 RA ĐỜI

Cà phê hòa tan 3 trong 1 Vinacafé ra đời đã được thị trường đón nhận nhanh chóng. Giải pháp đưa đường và bột kem vào cà phê hòa tan, đóng sẵn từng gói nhỏ đã giúp người Việt Nam lần đầu tiên được thỏa mãn thói quen uống cà phê với sữa mà không phải chờ cà phê nhỏ giọt qua phin. Cà phê hòa tan 3 trong 1 thành công nhanh đến mức thương hiệu Vinacafé ngay lập tức được Nhà máy Cà phê Biên Hòa đăng ký sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và nhiều quốc gia trên thế giới.

**1998**  
NHÀ MÁY THỨ HAI

Năm 1998 thêm một dấu mốc quan trọng về sự lớn mạnh vượt bậc, nhà máy chế biến cà phê hòa tan thứ hai được khởi công xây dựng ngay trong khuôn viên của nhà máy cũ. Nhà máy này có công suất thiết kế 800 tấn cà phê hòa tan/năm, lớn gấp 10 lần nhà máy cũ. Chỉ sau đó 2 năm, nhà máy mới đã chính thức được đưa vào vận hành để đáp ứng nhu cầu thường thức cà phê ngày càng cao của thị trường nội địa và xuất khẩu.

**2004**  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
VINACAFÉ BIÊN HÒA

Ngày 29 tháng 12 năm 2004, Nhà máy Cà phê Biên Hòa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp - từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần. Yêu quý đứa con tinh thần, cộng với sự nổi tiếng của thương hiệu Vinacafé, các cổ đông sáng lập (hầu hết là người của Nhà máy Cà phê Biên Hòa) đã đặt tên mới cho công ty là: Công ty Cổ phần VINACAFÉ BIÊN HÒA (Vinacafé BH). Đây cũng là thời điểm mở ra một chương mới cho lịch sử Công ty khi hoạch định lại chiến lược phát triển, viết lại sứ mệnh, tầm nhìn mới và xác định những giá trị cốt lõi của mình, trong bối cảnh Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế.

**2010**  
KHỞI CÔNG XÂY DỰNG  
NHÀ MÁY THỨ BA

Ngày 15-12, Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa đã khởi công xây dựng nhà máy chế biến cà phê hòa tan trên khu đất rộng gần 5 ha tại KCN Long Thành, Đồng Nai. Nhà máy này có công suất 3.200 tấn cà phê hòa tan nguyên chất/năm, sẽ cung cấp ra thị trường hàng vạn tấn cà phê hòa tan 2 trong 1, 3 trong 1 theo công nghệ nhập khẩu từ châu Âu mỗi năm.

Cùng trong năm này, vào 11/2010, công ty đã đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Năm 2010 công ty cấu trúc lại bộ máy phòng ban với sự thành lập của Phòng Cung ứng và Phòng Marketing trên cơ sở từ Phòng Kinh doanh.

**2011**  
NIÊM YẾT CỔ PHIẾU VCF

Ngày 28/01/2011, toàn bộ 26.579.135 cổ phiếu của Công ty CP Vinacafé Biên Hòa, tương đương 100% vốn điều lệ 265.791.350.000 đồng, chính thức được niêm yết tại sàn Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VCF. Trong ngày giao dịch đầu tiên, giá khởi điểm của mỗi cổ phiếu VCF là 50.000 đồng.

Tháng 9 năm 2011, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan chào mua công khai cổ phiếu VCF. Đề nghị chào mua của Masan được Vinacafé Biên Hòa chấp thuận. Tính đến 31.12.2012, Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 14.140.911 cổ phiếu VCF, tương đương 53.20% vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa.

**2012**  
HỢP NHẤT HAI HỆ THỐNG  
PHÂN PHỐI CỦA VINACAFÉ  
BH VÀ MASAN CONSUMER.

Vào quý I/2012, hai hệ thống phân phối của Công ty CP Vinacafé Biên Hòa và Masan Consumer được hợp nhất thành 1 hệ thống phân phối chung, phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Quý 2/2012, Phòng Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm (R&D) được thành lập trên cơ sở từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới của Phòng KCS đáp ứng hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới.

Cũng trong năm này, quý 3/2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP và bước đầu áp dụng hệ thống trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.



## 2. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA  
 Tên tiếng Anh: Vinacafé Bien Hoa Joint Stock Company.  
 Tên viết tắt: Vinacafé BH.  
 Giấy phép đăng ký KD & mã số doanh nghiệp số: 3600261626 do Sở Kế hoạch – Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 29 tháng 12 năm 2004, sửa đổi lần thứ 8 vào ngày 27/4/2012  
 Mã số thuế: 3600261626.  
 Vốn điều lệ: 265.791.350.000 đồng  
 Địa chỉ công ty: KCN Biên Hòa I, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.  
 Điện thoại: 0613.836554  
 Fax: 0613.836108.  
 Website: vinacafebienhoa.com  
 Email: vinacafe@vinacafebienhoa.com

Công ty hiện có 3 chi nhánh trực thuộc gồm:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, số 10 Hoàng Dư Khương, Phường 12, Quận 10, Thành phố HCM.
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, số 05, phố Ông Bích Khiêm, Phường Điện Biên, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội.
- Nhà máy Cà phê Biên Hòa II- Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa, lô đất số C.I.III- 3+5+7, Khu Công nghiệp Long Thành, Xã Tam An, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai.

## NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	1079 (chính)
2	Bán lẻ cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	4719
3	Bán buôn cà phê, chè, thức uống nhanh và các sản phẩm thực phẩm	4632

## 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Những nét khái quát

Năm 2004, Vinacafe Biên Hòa từ một công ty nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, tổng khối lượng tiêu thụ của Nhà máy Cà phê Biên Hòa đạt 6.693 tấn cà phê các loại và 623 tấn ngũ cốc dinh dưỡng, tổng doanh thu là 267,6 tỷ đồng.

Năm 2011, sau 7 năm hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, Vinacafé Biên Hòa đã cung cấp cho thị trường 59.237 tấn cà phê các loại và 20.336 tấn ngũ cốc dinh dưỡng (số làm tròn). Tính riêng năm 2011, doanh thu thuần của Vinacafé Biên Hòa là 1.586 tỷ đồng, tăng 21,8 % so với 2010 và gấp gần 6 lần so với doanh thu 2004.

Năm 2012 là một năm có nhiều thách thức đối với Vinacafé Biên Hòa khi tình hình kinh tế chung tiếp tục bị ảnh hưởng của sự bất ổn kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính chưa được giải quyết. Với sự chỉ đạo sâu sát, nhiệt tình, đúng tầm của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành công ty, So với năm 2011, tổng doanh thu từ bán hàng năm 2012 tăng 33,3% chủ yếu do tăng khối lượng hàng bán. Cụ thể: nhóm các sản phẩm ngũ cốc dinh dưỡng tăng 45,2%, nhóm các sản phẩm cà phê tăng 19,2%. Trong năm này, Công ty đã tái tung ra Vinacafé và tung mới các sản phẩm cà phê Wake Up, đồng thời xây dựng thương hiệu Kachi cho ngũ cốc dinh dưỡng. Mức tăng 33,3 % về doanh thu cho thấy nhiều nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức mua của thị trường giảm sút mạnh.

Lợi nhuận 2012 chỉ giảm rất nhẹ (0,6%) so với kế hoạch và tăng 41,3% so với năm 2011. Nguyên nhân dẫn đến

những cải thiện về lợi nhuận là:

*Về khách quan:* giá cả nguyên nhiên vật liệu trong năm 2012 tương đối ổn định.

*Về chủ quan:* Công ty đã đàm phán với các nhà cung cấp để có được giá mua vào tốt nhất. Các nguyên liệu chính như đường, bột kem, cà phê nhân, bao bì đã giảm giá từ 2% đến 4% so với 2011.

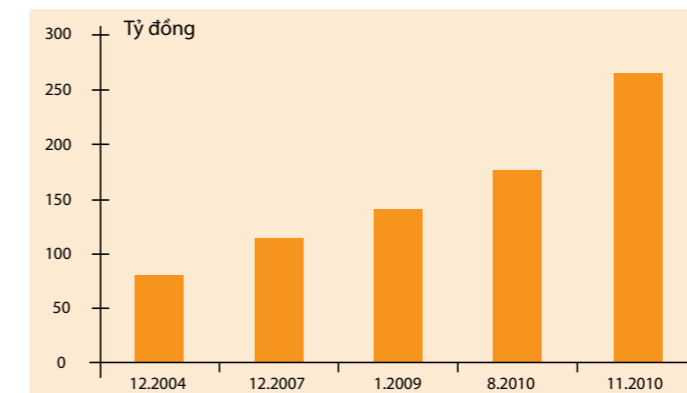
Doanh thu tiêu thụ sản phẩm năm 2012 đạt 2.114.659 triệu đồng, đạt 91,9%

Chi phí sản phẩm tiêu thụ năm 2012 là 1.810.423 triệu đồng, đạt 91,7% kế hoạch và tăng 33,9% so với năm 2011.

Lợi nhuận sau thuế năm 2012 là 298.242 triệu đồng, đạt 99,4% kế hoạch và tăng 41,3% so với 2011.

Vinacafé Biên Hòa đã có 4 lần tăng vốn điều lệ như sau:

- Tháng 12/ 2004: 80.000.000.000 đ
- Tháng 12/ 2007: 113.398.600.000 đ
- Tháng 1/ 2009: 141.757.100.000 đ
- Tháng 8/ 2010: 177.195.160.000 đ
- Tháng 11/ 2010: 265.791.350.000 đ



## CÀ PHÊ RANG XAY



## CÀ PHÊ HOÀ TAN



### DANH MỤC SẢN PHẨM



Heritage Absolute



Heritage Blend



Heritage Crown



Vinacafé Black



Mundo Espresso



Wake Up Sài Gòn



Vinacafé Select



Vinacafé Super



Vinacafé Natural



Vinacafé Hòa Tan Đen

Cà Phê 3 Trong 1 Nhãn Vàng

Vinacafé 3 Trong 1 Nhãn Xanh



Cà Phê 3 Trong 1 Nhãn Vàng mới



Cà Phê 3 Trong 1 Wake Up Hương chồn



Cà Phê 3 Trong 1 Wake Up Sài Gòn



## NGŨ CỐC DINH DƯỠNG

Giúp bạn và cả nhà bổ sung kịp thời các chất dinh dưỡng mà cơ thể cần.

**Canxi** rất cần cho sự chắc khỏe của xương và phòng ngừa loãng xương. Các chất đạm, chất béo là thành phần không thể thiếu cho sự phát triển của cơ bắp, trí não. Chất xơ đặc biệt quan trọng cho hệ tiêu hóa. Chất sắt cải thiện hệ miễn dịch để bảo vệ sức khỏe cho cả nhà.



Ngũ Cốc DD Kachi  
Bịch 14 Gói & Hộp 14 Gói



Ngũ Cốc DD Vinacafé  
Bịch 20 Gói & Hộp 10 Gói

## 4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Duy trì vị trí dẫn đầu tại thị trường cà phê Việt Nam.
- Xuất khẩu cà phê chế biến đến các thị trường trọng điểm.
- Từng bước thâm nhập thị trường đồ uống non-coffee và các sản phẩm thực phẩm khác.
- Đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Phát triển thương hiệu Vinacafé Biên Hòa rộng khắp, lớn mạnh, đủ tầm phát triển.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Vinacafé Biên Hòa hướng đến việc sở hữu các thương hiệu mạnh và đáp ứng thể giới người tiêu dùng bằng các sản phẩm thực phẩm và đồ uống có chất lượng cao và độc đáo trên cơ sở thấu hiểu nhu cầu của họ và tuân thủ các giá trị cốt lõi của Công ty, bao gồm:

- Duy trì các sản phẩm cà phê hòa tan là sản phẩm chính.
- Tìm cách áp dụng một cách nhất quán thông lệ quốc tế vào các vấn đề về quản trị doanh nghiệp
- Tiến hành các hoạt động tài chính một cách thận trọng, luôn nhận thức rằng việc quản lý rủi ro hiệu quả, bảo toàn tài sản và duy trì khả năng thanh khoản là thiết yếu cho sự thành công của công ty.
- Phát triển và tiếp thị các sản phẩm để đáp ứng các nhu cầu của khách hàng, xây dựng danh tiếng của công ty về mức giá cạnh tranh, chất lượng sản phẩm ổn định, dịch vụ khách hàng tốt cùng với việc phát triển sản phẩm và dịch vụ mới.
- Đầu tư vào con người, phát triển năng lực của nhân viên và tạo cho họ cơ hội được chia sẻ trong sự thịnh vượng chung của doanh nghiệp.
- Tôn trọng các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm và môi trường.

**Trong trung hạn:** Công ty định hướng và tập trung cao nhất các nguồn lực của mình vào các hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực sản xuất, xây dựng uy tín về chất lượng. Lấy chất lượng sản phẩm làm nền tảng cho phát triển thương hiệu. Lấy thị trường nội địa làm bệ phóng cho xuất khẩu.

**Trong dài hạn:** Công ty đầu tư mạnh mẽ cho các hoạt động marketing để phát triển các khái niệm mới, sản phẩm mới và xây dựng các thương hiệu mạnh tại thị trường nội địa và ở các quốc gia xuất khẩu đến





VINACAFÉ NHIỀU NĂM LIỀN ĐỒNG HÀNH CÙNG CHƯƠNG TRÌNH MÙA XUÂN BIỂN ĐẢO

## THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. NHỮNG THÀNH TỰU CHÍNH TRONG NĂM 2012
2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH
3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2012
4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH TƯƠNG LAI



# THƯ NGỎ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý vị Cổ đông,

## 1. NHỮNG THÀNH TỰU CHÍNH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2012

Năm 2012 là một năm đầy thử thách. Kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng không những chưa hồi phục mà còn khó khăn hơn nhiều so với năm 2011. Số doanh nghiệp giải thể, phá sản trong năm 2012 ở Việt Nam đã vượt qua con số 200 ngàn, bằng nửa số doanh nghiệp rời khỏi thị trường trong suốt 20 năm qua.

Trong bối cảnh đó, 2012 được đánh giá là một năm thành công của Vinacafé Biên Hòa, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Doanh thu thuần: 2.114.658.869.729 đ, tăng 33,3 % so với 2011
- Lợi nhuận sau thuế: 298.242.047.561 đ, tăng 41,3 % so với 2011

Doanh thu thuần tăng 33,3 % chủ yếu nhờ tăng khối lượng hàng bán. Lợi nhuận ròng sau thuế tăng 41,3% chủ yếu do giá vốn hàng bán được cải thiện. So với 2011, giá vốn hàng bán chỉ tăng 28,2%, làm cho lợi nhuận gộp tăng 48,9%. Mức tăng lợi nhuận gộp đã bù đắp được mức tăng mạnh 49,6% của chi phí bán hàng, trong khi thu nhập từ hoạt động tài chính trong năm giảm mạnh đến 51% so với 2011.

## 2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2012

Căn cứ thực tế khó khăn khách quan của thị trường, Công ty đã tiến hành Đại hội Đồng Cổ đông thông qua lấy ý kiến bằng văn bản để điều chỉnh kế hoạch doanh kinh doanh năm 2012 với các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận lần lượt là 3.000 tỷ đồng và 360 tỷ đồng xuống còn 2.300 tỷ đồng và 300 tỷ đồng. So với kế hoạch trên, doanh thu thực hiện 2012 đạt 91,9% và lợi nhuận 2012 đạt 99,4%.

## 3. NHỮNG THAY ĐỔI CHỦ YẾU TRONG NĂM 2012

Từ sau Đại hội Cổ đông Bất thường vào tháng 10/ 2011, với sự bổ sung 4 thành viên mới là các ông Đoàn Đình Thiêm, Nguyễn Đăng Quang, Trương Công Thắng, Đinh Quang Hoàn, HĐQT Vinacafé Biên Hòa có 11 thành viên, được phân chia vào 3 tiểu ban sau: (1) Tiểu ban Chiến lược Kinh Doanh, (2) Tiểu ban Đầu Tư, (3) Tiểu ban Hoạch định Chiến lược Tài Chính

Trong năm 2012, HĐQT Vinacafé Biên Hòa đã họp bàn, quyết nghị các nội dung quan trọng của Công ty, điển hình như:

- Phê duyệt kế hoạch kinh doanh 2012 do các Tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đề xuất, bao gồm chủ trương hợp nhất hai hệ thống phân phối của Masan Consumer và của Vinacafé Biên Hòa thành một hệ thống mà hai công ty có thể sử dụng chung. Việc hợp nhất được tiến hành trên cơ sở tái đánh giá và lựa chọn các đối tác phù hợp, đáp ứng yêu cầu bán hàng tổng hợp của cả hai công ty để bổ nhiệm Nhà phân phối hoặc đại lý bán hàng ở mỗi khu vực địa lý trong toàn bộ thị trường nội địa. Nhân sự bán hàng của Vinacafé Biên Hòa do Vinacafé Biên Hòa trả lương, sẽ được sắp xếp bố trí công việc cùng với nhân sự bán hàng của Masan Consumer, tạo thành một đội ngũ bán hàng chung của cả hai công ty.
- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản, nhập khẩu máy đóng gói.
- Đồng ý đề xuất của Ban Điều hành về việc thành lập mới một số chi nhánh và Phòng R&D.
- Đề nghị ĐHCĐ thông qua mức chia cổ tức đợt 2 năm 2011 và Lựa chọn công ty kiểm toán cho năm 2012.
- Phê duyệt chi tiết các hạng mục trong tổng mức đầu tư Nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai.

Nhà máy này hiện đã hoàn thành giai đoạn chạy thử và đang hoàn thiện các hạng mục phụ trước khi chính thức đưa vào hoạt động trong một vài tháng tới.

Về các cổ đông lớn: tính đến 31 tháng 12 năm 2012, Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan đã nắm giữ 14.140.911 cổ phiếu, tương đương 53,2 % vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa. Một cổ đông lớn khác là Tổng công ty Cà phê Việt Nam hiện vẫn đang nắm giữ 9.914.375 cổ phần, tương đương 37,3% vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa.

## 4. TRIỂN VỌNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2013

Sứ mệnh:

Nâng cao giá trị cà phê Việt Nam bằng cách: xác lập tiêu chuẩn an toàn của cà phê trong nước, cung cấp cho thị trường các sản phẩm đa dạng có nguồn gốc từ cà phê; làm cho cà phê được yêu thích và sử dụng hàng ngày. Cùng với cà phê, các sản phẩm khác của Vinacafé Biên Hòa sẽ đến với người tiêu dùng thông qua các thương hiệu mạnh, hệ thống phân phối mạnh và uy tín, mô hình cung ứng độc đáo, trên cơ sở tuân thủ các giá trị cốt lõi của công ty.

Tầm nhìn 2020:

- Thống lĩnh thị trường cà phê Việt Nam với 80% thị phần cà phê hòa tan và 51% thị phần cà phê rang xay.
- Các ngành hàng khác ngoài cà phê: chiếm ít nhất 51% thị phần.
- Trở thành 1 trong 3 công ty niêm yết lớn nhất trong ngành thực phẩm – đồ uống.
- Đội ngũ nhân lực Vinacafé Biên Hòa là những người có tài năng và thu nhập hàng đầu trong ngành công nghiệp hàng tiêu dùng tại Việt Nam.

Mục tiêu 2013

ĐVT: Tỷ đồng

Stt	Nội dung	Mục tiêu 2013
1	Doanh thu	3.100
2	Lợi nhuận sau thuế	475

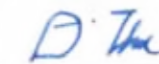
Các định hướng chiến lược :

- Vinacafé Biên Hòa sẽ đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới, làm cho cà phê trở thành một thức uống được ưa chuộng và sử dụng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Thâm nhập thành công các ngành thực phẩm có nhu cầu thị trường đủ lớn.
- Các sản phẩm cà phê, từ cà phê và các sản phẩm thực phẩm và đồ uống mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc tạo dựng thương hiệu mới và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Biên Hòa, ngày 08 tháng 4 năm 2013

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



ĐOÀN ĐÌNH THIÊM



VINACAFÉ LIÊN TỤC **6** NĂM LIÊN ĐƯỢC  
LỰA CHỌN LÀ THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH
2. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC
3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH
4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

## KHÁI QUÁT VỀ MÔI TRƯỜNG KINH DOANH 2012

- Kinh tế - xã hội Việt Nam năm 2012 tiếp tục bị ảnh hưởng bởi sự bất ổn của kinh tế thế giới do khủng hoảng tài chính và khủng hoảng nợ công ở Châu Âu chưa được giải quyết. Suy thoái trong khu vực đồng euro cùng với khủng hoảng tín dụng và tình trạng thất nghiệp gia tăng tại các nước thuộc khu vực này vẫn đang tiếp diễn. Hoạt động sản xuất và thương mại toàn cầu bị tác động mạnh, giá cả hàng hóa diễn biến phức tạp. Tăng trưởng của các nền kinh tế đầu tàu suy giảm kéo theo sự sụt giảm của các nền kinh tế khác. Một số nước và khối nước lớn có vị trí quan trọng trong quan hệ thương mại với nước ta như: Mỹ, Trung Quốc, Nhật bản và EU đối mặt với nhiều thách thức nên tăng trưởng chậm. Những bất lợi từ sự sụt giảm của kinh tế thế giới ảnh hưởng xấu đến hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống dân cư trong nước.
- GDP cả năm tăng 5,03%, thấp hơn mức tăng 5,89% của năm 2011. Mức tăng thấp này có thể được lý giải bởi tổng cầu, bao gồm đầu tư và tiêu dùng, phục hồi yếu hơn mong đợi do (1) Mặc dù lãi suất giảm sau thời kỳ thắt chặt nhưng trong bối cảnh nợ xấu cao, lượng hàng tồn kho cao đã khiến cho hoạt động đầu tư tư nhân, sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp bị thu hẹp; (2) Sự đóng băng của thị trường bất động sản cũng khiến cho giá trị tài sản ròng đi xuống kéo theo hiệu ứng cầu do tài sản giảm, và (3) Tăng trưởng dựa vào đầu tư công với tỷ lệ nợ công đã cao và hiệu quả đầu tư thấp không tạo đà cho sự tăng trưởng.
- Lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,81%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011. Tỷ giá USD/VND và thị trường ngoại hối ổn định chủ yếu là do cầu ngoại tệ có xu hướng giảm trong khi cung ngoại tệ khá dồi dào.
- Tình hình kinh tế khó khăn, hàng tồn kho lớn khiến sản xuất bị thu hẹp. Cầu tiêu dùng thấp hơn nhiều so với các năm trước khi tổng doanh số bán lẻ chỉ tăng 16% (năm nay so với năm trước) so với mức tăng 24% của năm 2011 và 24,5% của năm 2010 và tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa ròng 284 triệu USD; chủ yếu do tốc độ tăng trưởng của kim ngạch nhập khẩu thấp hơn so với kim ngạch xuất khẩu (7,1% so với 18,3%). Cầu đầu tư thấp khi tăng trưởng tín dụng chỉ tăng khoảng 8,91% (con số của cùng kỳ năm 2011 là 10,9%, năm 2010 là 29,81%). Chỉ số tồn kho sản phẩm công nghiệp chế biến, chế tạo ở mức cao trên 26% trong nửa đầu năm và có xu hướng giảm xuống mức 20% vào thời điểm cuối năm, tuy nhiên mức giảm này chủ yếu là do các doanh nghiệp thu hẹp sản xuất để tập trung giải phóng hàng tồn kho
- Những khó khăn của nền kinh tế kể từ năm 2011 đã khiến số lượng doanh nghiệp phá sản, giải thể tiếp tục tăng mạnh trong năm 2012. Trong tổng số hơn 670.000 doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trên cả nước thì có đến gần 202.000 doanh nghiệp giải thể, ngừng hoạt động trong năm 2012, tăng 8,4% so với năm 2011 và bằng 50% tổng số doanh nghiệp rời thị trường trong vòng 20 năm qua. Chính phủ đã đưa ra nhiều biện pháp để hỗ trợ doanh nghiệp như gia hạn 6 tháng thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, giảm 50% tiền thuê đất phải nộp trong năm 2012, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, gia hạn tối đa 12 tháng thời hạn nộp tiền sử dụng đất đối với các chủ đầu tư có dự án có khó khăn về tài chính... Tuy nhiên, tác động từ các biện pháp này khá nhỏ, kết quả đạt được còn khá khiêm tốn khi mà các biện pháp này chủ yếu tập trung vào hỗ trợ chi phí chứ không chú trọng vào việc giải quyết vấn đề hàng tồn kho của doanh nghiệp và đối tượng hỗ trợ chủ yếu theo lĩnh vực và quy mô chứ không dựa vào năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

(Nguồn: Cổng thông tin điện tử Chính phủ & Vietcombank Security)



## 1. BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

### 1.1 Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh 2012

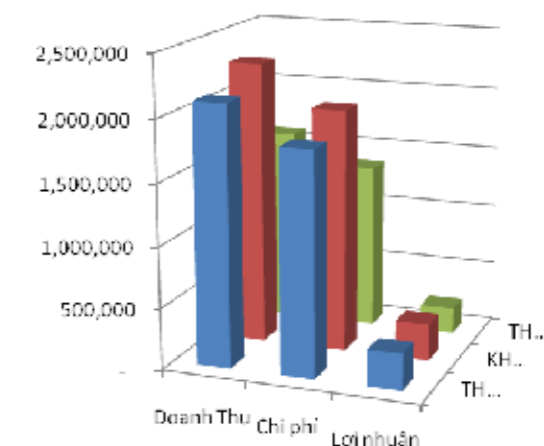
CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN 2011	NĂM 2012		SO SÁNH	
			KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2012	KẾ HOẠCH 2012	THỰC HIỆN 2011
<b>1.SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT CHỦ YẾU</b>						
Cà phê và ngũ cốc các loại	tấn	20.416	28.228	25.471	90,2%	124,8%
<b>2.SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CHỦ YẾU</b>						
Cà phê và ngũ cốc các loại	tấn	19.857	28.371	26.188	92,3%	131,9%
<b>3.LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP</b>						
3.1.Tổng số lao động	người	558	748	716	95,7%	128,3%
3.2.Tổng quỹ lương	Trđ	61.083	90.000	87.693	97,4%	143,6%
<b>4.ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>						
4.1-Đầu tư mở rộng sản xuất	Trđ	9.199	115.861	119.869	103,5%	1303,1%
4.2-Đầu tư dự án mới	Trđ	50.062	500.449	360.762	72,1%	720,6%
<b>5.KẾT QUẢ KINH DOANH</b>						
5.1.Tổng doanh thu tiêu thụ	Trđ	1.585.572	2.300.000	2.114.659	91,9%	133,4%
Trong đó : Doanh thu XK	Trđ	116.352	155.522	157.965	101,6%	135,8%
5.2.Tổng chi phí SP tiêu thụ	Trđ	1.352.112	1.974.000	1.788.490	90,6%	132,3%
5.3.Lợi nhuận trước thuế	Trđ	233.896	326.000	326.169	100,1%	139,5%
Trong đó TN tài chính	Trđ	35.466	5.000	17.378	347,6%	49%
5.4.Lợi nhuận sau thuế	Trđ	211.112	300.150	298.242	99,4%	141,3%
<b>6.TỔNG TÀI SẢN</b>	Trđ	814.460	1.162.273	1.133.188	97,5%	139,1%
<b>7.VỐN ĐIỀU LỆ</b>	Trđ	265.791	265.791	265.791	100%	100%
<b>8.TỶ LỆ TRẢ CỔ TỨC</b>	%	20	20	20	100%	100%
<b>9. CÁC KHOẢN NỘP NSNN</b>	Trđ	129.372	150.000	151.235	100,8%	116,9%

Bảng 1. Tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh

**Doanh thu** tiêu thụ sản phẩm năm 2012 đạt 2.114.659 triệu đồng, đạt 91,9% kế hoạch và tăng 33,3% so với 2011

**Chi phí** sản phẩm tiêu thụ năm 2012 là 1.788.490 triệu đồng, đạt 90,6% kế hoạch và tăng 32,3% so với năm 2011.

**Lợi nhuận** sau thuế năm 2012 là 298.242 triệu đồng, đạt 99,4% kế hoạch và tăng 41,3% so với 2011.



Biểu đồ: Doanh thu - Chi phí - Lợi nhuận sau thuế

So với năm 2011, tổng doanh thu từ bán hàng năm 2012 tăng 33,3% chủ yếu do tăng khối lượng hàng bán. Trong năm Công ty đã tái tung Vinacafé và tung mới các sản phẩm cà phê Wake Up, đồng thời xây dựng thương hiệu Kachi cho ngũ cốc dinh dưỡng. Mức tăng 33,3% về doanh thu cho thấy nhiều nỗ lực của Công ty trong bối cảnh sức mua của thị trường giảm sút mạnh.

Lợi nhuận 2012 chỉ giảm rất nhẹ (0,6%) so với kế hoạch và tăng 41,3% so với năm 2011. Nguyên nhân dẫn đến những cải thiện về lợi nhuận là: Về khách quan: giá cả nguyên nhiên vật liệu trong năm 2012 tương đối ổn định. Về chủ quan: Công ty đã đàm phán với các nhà cung cấp để có được giá mua vào tốt nhất. Các nguyên liệu chính như đường, bột kem, cà phê nhân, bao bì đã giảm giá từ 2% đến 4% so với 2011.

## 2. NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

### 2.1 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã vượt qua năm 2012 nhiều khó khăn với những kết quả rất đáng ghi nhận nhờ những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý. Cụ thể, từ tháng 3 năm 2012, trên cơ sở hỗ trợ về hệ thống và nhân lực của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Ma San, hệ thống phân phối của Công ty đã có sự phát triển lớn mạnh, rộng khắp và hoạt động hiệu quả.

Các hoạt động nghiên cứu thị trường, nghiên cứu người tiêu dùng và marketing đã được đầu tư nhiều hơn. Công ty đã xây dựng được 2 nhãn hàng mới và ra được nhiều sản phẩm mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng. Những đầu tư nhãn hiệu mạnh mẽ trong 2012 sẽ tạo tiền đề tốt cho các năm tiếp theo.

Nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và thực thi chiến lược đa nhãn hiệu, đa dạng hóa sản phẩm, công ty đã thành lập mới phòng Nghiên cứu và Phát triển sản phẩm (R&D). Nhân sự của Phòng R&D có nòng cốt là những cá nhân xuất sắc từ bộ phận Nghiên cứu sản phẩm mới trực thuộc phòng KCS và thêm các nhân tố mới trẻ, năng động kết hợp với những người có chuyên môn sâu và kinh nghiệm trong ngành cà phê.

Công ty đã thực hiện ủy quyền của Tổng Giám đốc cho các Phó Tổng Giám đốc và các trưởng phòng nhằm nâng cao hiệu quả và trách nhiệm trong công việc. Các chức năng mua hàng, kế hoạch sản xuất, kho vận trực thuộc phòng Cung ứng đã được chuyên môn hóa công việc, nhằm kiểm soát chặt chẽ và nâng cao hiệu quả công việc.

Công tác kỹ thuật đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, đảm bảo cho sản xuất liên tục song song với việc đầu tư mở rộng sản xuất, nâng cao công suất đóng gói. Đặc biệt, cùng với việc mở rộng sản xuất, hệ thống xử lý nước thải, khí thải và chất thải rắn đã được đầu tư nâng cấp, bảo đảm đáp ứng kịp thời việc mở rộng quy mô và nâng công suất thiết bị, đồng thời đáp ứng đúng quy định của Nhà nước về công tác bảo vệ môi trường.

### 2.2 Các biện pháp kiểm soát

Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 thông qua các bộ tiêu chuẩn và hệ thống các quy trình.

Kiểm soát hoạt động tài chính và các hoạt động đầu tư của Công ty: thông qua các Quy chế và hoạt động của kiểm soát nội bộ đối với việc tuân thủ Điều lệ và các Quy chế của công ty.

Trong năm 2012, Công ty đã triển khai hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp ERP và bước đầu áp dụng hệ thống trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh.



## CÁC GIẢI THƯỞNG VÀ DANH HIỆU TRONG NĂM 2012

- Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2012 – Báo Nhịp cầu Đầu tư tổ chức
- Top 10 Thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo kinh tế Việt Nam tổ chức
- Giải Bạc - Giải thưởng Chất lượng Quốc gia
- Top 10 Thương hiệu Việt uy tín
- Vinacafé tiếp tục được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao năm thứ 17.
- Vinacafé tiếp tục được lựa chọn tham gia chương trình Thương hiệu Quốc Gia.
- Bằng khen của Sở Tài Nguyên Môi trường và các Sở Ban Ngành khác của Đồng Nai.
- Được tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng nhất.
- Được tặng Cờ thi đua Chính phủ.
- Được tặng Cờ thi đua Của Bộ NN và PTNT
- Được UBND tỉnh Đồng Nai tặng Cờ thi đua xuất sắc.
- Bằng khen của Sở Tài Nguyên Môi trường và các Sở Ban Ngành khác của Đồng Nai.



### 3. CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH	ĐVT	2011	2012
<b>I- Tỷ số thanh toán</b>			
1. Tỷ số thanh toán hiện hành	lần	8,48	3,34
2. Tỷ số thanh toán nhanh	lần	5,67	2,04
<b>II- Tỷ số hoạt động</b>			
1. Vòng quay các khoản phải thu	lần	9,77	22,65
1.1 Kỳ thu tiền bình quân	ngày	37,35	16,11
2. Vòng quay hàng tồn kho	lần	6,28	8,99
3. Hiệu suất sử dụng tài sản cố định	lần	28,34	4,06
4. Hiệu suất sử dụng toàn bộ tài sản	lần	1,94	1,87
5. Hiệu suất sử dụng vốn cổ phần	lần	5,97	7,96
<b>III- Tỷ số đòn bẩy tài chính</b>			
1. Tỷ số nợ trên tài sản	%	11,35	16,04
2. Tỷ số nợ trên vốn cổ phần	%	34,95	68,37
3. Tỷ số tổng tài sản trên vốn cổ phần	%	307,78	426,34
4. Khả năng thanh toán lãi vay	lần	66,45	642,06
<b>IV- Tỷ số sinh lợi</b>			
1. Tỷ suất sinh lợi trên doanh thu (ROS)	%	13,31	14,10
2. Tỷ suất sinh lợi trên tổng tài sản (ROA)	%	25,81	26,32
3. Tỷ suất sinh lợi trên vốn cổ phần (ROE)	%	79,43	112,21
<b>V- Tỷ số giá trị Thị trường</b>			
1. Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	đồng	7,943	11,221
2. Tỷ lệ chi trả cổ tức	%	20	20
3. Tỷ số giá thị trường trên thu nhập (P/E)	%	11,46	14,26
4. Tỷ suất cổ tức	%	2,20	1,25

Bảng 2. Các chỉ số tài chính

Nhìn chung, các chỉ số tài chính năm 2012 đều được cải thiện tốt hơn năm 2011. Trong năm, Công ty tăng thời hạn trả chậm đối với các nhà cung cấp, trong khi áp dụng chính sách bán hàng thu tiền trước đối với các nhà phân phối nội địa đã làm cho các khoản nợ ngắn hạn tăng lên và tài sản lưu động giảm xuống, dẫn đến chỉ số thanh toán hiện hành giảm từ 8,48 lần xuống còn 3,34 lần. Chỉ số này cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của công ty đã được cải thiện tốt hơn năm 2011.

Vòng quay các khoản phải thu cũng đã tăng từ 9,77 lần lên 22,65 lần, kỳ thu tiền bình quân giảm từ 37,35 ngày xuống chỉ còn 16,11 ngày.

Trong năm, công ty đầu tư cải tạo nhà xưởng mở rộng sản xuất, nâng công suất đóng gói tại nhà máy ở KCN Biên Hòa 1 đã làm hiệu suất sử dụng tài sản cố định giảm từ 28,34 lần xuống còn 4,06 lần.

Với doanh thu tăng 33,4% so với năm 2011 trong khi vốn cổ phần không tăng, hiệu suất sử dụng vốn cổ phần đã tăng từ 5,97 lần lên 9,96 lần.

Chi phí lãi vay năm 2012 giảm 85% so với 2011, đồng thời lợi nhuận tăng 41% đã làm cho khả năng thanh toán lãi vay của công ty tăng rất mạnh, từ 66,45 lần lên 642,06 lần. Cũng vì lợi nhuận tăng trong khi vốn cổ phần giữ nguyên nên ROE cũng tăng từ 79,43% lên 112,21%, đồng thời EPS tăng từ 7.943 đồng lên 11.221 đồng.



### 4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2013

#### 4.1 Mục tiêu doanh thu và lợi nhuận trong năm 2013

STT	Nội dung	Mục tiêu 2013 (Tỷ đồng)
1	Doanh thu	3.100
2	Lợi nhuận sau thuế	475

Bảng 3. Mục tiêu 2013

#### 4.2 Các hoạt động chính sẽ triển khai trong năm 2012

- Hoàn thiện các vấn đề liên quan đến pháp chế của Công ty.
- Tiếp tục tập trung vào việc thực hiện các nghiên cứu marketing và thúc đẩy hoạt động R&D nhằm đáp ứng tốt hơn thị hiếu của người tiêu dùng.
- Tiếp tục chiến lược đa dạng hóa sản phẩm nhằm biến cà phê thành một thức uống được ưa chuộng và tiêu dùng hàng ngày trên khắp Việt Nam.
- Tiếp tục triển khai chuỗi cửa hàng Vinacafé, nhằm mục tiêu quảng bá thương hiệu và đi đến có lãi từ mô hình chuỗi cửa hàng cà phê Việt Nam.





**ĐÁ XÂY TRƯỜNG SA**  
Đà Nẵng, ngày 11 tháng 8 năm 2012



VINACAFÉ đạt danh hiệu “Doanh nghiệp thực hiện tốt trách nhiệm an sinh xã hội và phát triển cộng đồng”

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp số**

3600261626

ngày 27 tháng 4 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng vào ngày 27 tháng 4 năm 2012. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Đoàn Đình Thiêm  
Phạm Quang Vũ  
Đỗ Văn Nam  
Nguyễn Đăng Quang  
Bùi Xuân Thoa  
Lê Quang Chính  
Tô Hải  
Trương Công Thắng  
Lê Hùng Dũng  
Đình Quang Hoàn  
Nguyễn Công Trung

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Ban Giám đốc**

Phạm Quang Vũ  
Nguyễn Thanh Tùng  
  
Lê Quang Chính  
Lê Hùng Dũng

Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc  
(từ ngày 1 tháng 2 năm 2012)  
Phó Tổng Giám đốc  
Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký**

Khu Công nghiệp 1  
Thành phố Biên Hòa  
Tỉnh Đồng Nai  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam



## Công ty Cổ phần VinaCafé Biên Hòa

### Báo cáo của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 4 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Ban Giám đốc

Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được trình bày từ trang 4 đến 33, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 22 tháng 3 năm 2013. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

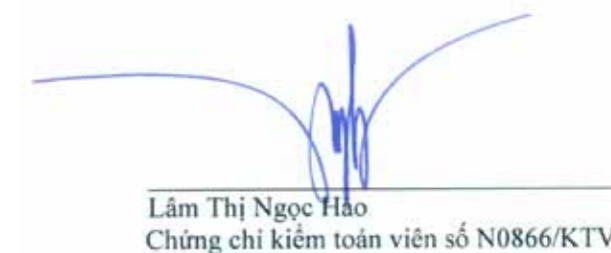
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam  
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345  
Báo cáo kiểm toán số: 12-01-314



Chang Hưng Chơn  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2013



Lâm Thị Ngọc Hào  
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0866/KTV



	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>				
(100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>606.591.514.523</b>	<b>762.111.591.781</b>
<b>Đến và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>275.247.810.871</b>	<b>298.221.643.448</b>
Tiền	111		36.247.810.871	23.773.004.391
Các khoản tương đương tiền	112		239.000.000.000	274.448.639.057
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>93.356.340.665</b>	<b>162.234.866.084</b>
Phải thu khách hàng	131		45.473.617.260	110.802.709.997
Trả trước cho người bán	132		46.233.637.411	48.738.881.714
Các khoản phải thu khác	135		1.705.716.110	2.693.274.373
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(56.630.116)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>235.125.058.511</b>	<b>252.328.534.372</b>
Hàng tồn kho	141		237.524.985.122	254.728.460.983
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.399.926.611)	(2.399.926.611)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.862.304.476</b>	<b>49.326.547.877</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.669.537.281
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.054.465.851	3.809.286.020
Tài sản ngắn hạn khác	158		807.838.625	41.847.724.576
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>526.596.112.341</b>	<b>55.953.111.735</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>521.226.687.073</b>	<b>55.953.111.735</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	7	145.292.224.060	33.881.155.340
Nguyên giá	222		294.992.911.341	173.572.644.029
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(149.700.687.281)	(139.691.488.689)
Tài sản cố định vô hình	227	8	16.917.097.709	17.319.885.750
Nguyên giá	228		17.319.885.750	17.319.885.750
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(402.788.041)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	9	359.017.365.304	4.752.070.645
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.369.425.268</b>	
Chi phí phải trả trước dài hạn	261	10	5.369.425.268	
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.133.187.626.864</b>	<b>818.064.703.516</b>

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>181.732.436.025</b>	<b>92.882.197.492</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>181.732.436.025</b>	<b>89.863.136.392</b>
Phải trả người bán	312	11	85.067.348.919	27.302.489.529
Người mua trả tiền trước	313		4.666.340.859	2.533.904.489
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	22.815.785.614	27.194.221.226
Phải trả người lao động	315		11.664.445.994	5.752.911.518
Chi phí phải trả	316	13	44.589.151.600	1.552.694.388
Các khoản phải trả khác	319		2.160.525.595	21.544.833.149
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	10.768.837.444	3.982.082.093
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>3.019.061.100</b>
Dự phòng dài hạn	337		-	3.019.061.100
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>951.455.190.839</b>	<b>725.182.506.024</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>951.455.190.839</b>	<b>725.182.506.024</b>
Vốn cổ phần	411	16	265.791.350.000	265.791.350.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.974.241.968	29.974.241.968
Quỹ đầu tư phát triển	417	17	173.925.282.879	137.456.077.032
Quỹ dự phòng tài chính	418	17	39.585.566.068	30.814.459.873
Lợi nhuận chưa phân phối	420		442.178.749.924	261.146.377.151
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.133.187.626.864</b>	<b>818.064.703.516</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngoại tệ	2.399.346.830	42.237.081.175

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:  Người duyệt: 

Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc



## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>18</b>	<b>2.141.776.188.691</b>	<b>1.586.025.888.575</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>(27.117.318.962)</b>	<b>(453.464.823)</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>	<b>10</b>	<b>18</b>	<b>2.114.658.869.729</b>	<b>1.585.572.423.752</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		<b>(1.530.525.587.622)</b>	<b>(1.193.485.460.589)</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	<b>20</b>		<b>584.133.282.107</b>	<b>392.086.963.163</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	17.377.974.589	35.466.973.189
Chi phí tài chính	22	20	(2.402.076.249)	(10.402.749.967)
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		(508.800.000)	(3.567.025.719)
Chi phí bán hàng	24		(254.799.624.784)	(170.264.287.348)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(41.611.558.271)	(32.184.921.309)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>302.697.997.392</b>	<b>214.701.977.728</b>
Thu nhập khác	31	21	23.789.399.663	18.770.793.007
Chi phí khác	32		(318.128.588)	(13.085.529)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>		<b>23.471.271.075</b>	<b>18.757.707.478</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>326.169.268.467</b>	<b>233.459.685.206</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>22</b>	<b>(27.927.220.906)</b>	<b>(22.347.148.981)</b>
<b>Lợi nhuận thuần (60 = 50 + 51)</b>	<b>60</b>		<b>298.242.047.561</b>	<b>211.112.536.225</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>23</b>	<b>11.221</b>	<b>7.943</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2013  
 Người lập:  Lê Hùng Dũng  
 Kế toán trưởng  
 Người duyệt:  Phạm Quang Vũ  
 Tổng Giám đốc



## Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>326.169.268.467</b>	<b>233.459.685.206</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao	02		11.867.826.836	8.251.026.072
Các khoản dự phòng	03		(2.962.430.984)	4.037.090.801
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		436.480.000	436.480.000
Xóa sổ tài sản cố định	05		4.553.282	-
Chi phí lãi vay	05		(16.941.494.589)	(32.747.714.181)
Lãi tiền gửi	06		508.800.000	3.567.025.719
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>318.646.523.012</b>	<b>217.003.593.617</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		110.973.609.915	(88.147.256.005)
Biến động hàng tồn kho	10		17.203.475.861	(57.994.086.381)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		82.405.882.078	(40.482.801.369)
Biến động chi phí trả trước	12		4.720.185.183	(3.669.537.281)
			<b>533.949.676.049</b>	<b>26.709.912.581</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(508.800.000)	(3.567.025.719)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(25.250.558.702)	(19.386.190.716)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(12.024.337.395)	(24.974.091.035)
<b>Lưu chuyển Tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>496.165.979.952</b>	<b>(21.217.394.889)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(483.566.028.626)	(11.766.278.151)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		17.584.486.097	31.320.481.042
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(465.981.542.529)</b>	<b>19.554.202.891</b>

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		-	18.122.657.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(34.354.442.636)
Tiền trả cổ tức	36		(53.158.270.000)	(45.184.529.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(53.158.270.000)</b>	<b>(61.416.315.136)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(22.973.832.577)</b>	<b>(63.079.507.134)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>298.221.643.448</b>	<b>361.737.630.582</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>-</b>	<b>(436.480.000)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>275.247.810.871</b>	<b>298.221.643.448</b>

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:  Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Công ty Cổ phần VinaCafe Biên Hòa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và bán các loại cà phê và ngũ cốc ăn liền cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có 716 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 558 nhân viên).

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### (a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

#### (b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

#### (c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

#### (d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### 3. TÓM TẮT NHỮNG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

#### (e) Tài sản cố định hữu hình

## Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo nhu cầu đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và cấu trúc 5 – 25 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 7 năm
- dụng cụ văn phòng 6 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 4 năm

**(f) Tài sản cố định vô hình**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

**(g) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ mức độ đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

**Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

**(k) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(l) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(m) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(n) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(o) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng nào trong năm.

**(p) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(q) Công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm công ty mẹ của Công ty, các công ty con và công ty liên kết.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**4. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Công ty hoạt động theo các bộ phận kinh doanh chính như sau:

- Cà phê và các sản phẩm liên quan được làm từ cà phê
- Ngũ cốc

	Cà phê		Ngũ cốc		Khác		Tổng	
	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND	2012 VND	2011 VND
Doanh thu trong nước	1.480.826.756.326	1.174.671.943.672	470.073.983.208	292.891.712.142	5.793.449.567	1.693.398.129	1.956.694.189.101	1.469.257.053.943
Doanh thu xuất khẩu	153.650.959.682	114.972.681.875	3.760.807.478	846.069.610	552.913.468	496.618.324	157.964.680.628	116.315.369.809
Tổng doanh thu của bộ phận	1.634.477.716.008	1.289.644.625.547	473.834.790.686	293.737.781.752	6.346.363.035	2.190.016.453	2.114.658.869.729	1.585.572.423.752
Giá vốn bán hàng	(1.223.680.863.445)	(981.243.073.962)	(302.240.924.406)	(210.533.046.462)	(4.603.799.771)	(1.709.340.165)	(1.530.525.587.622)	(1.193.485.460.589)
Lợi nhuận góp của bộ phận	410.796.852.563	308.401.551.585	171.593.866.280	83.204.735.290	1.742.563.264	480.676.288	584.133.282.107	392.086.963.163
Chi phí không phân bổ							(281.435.284.715)	(177.384.985.435)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							302.697.997.392	214.701.977.728
Thu nhập khác							23.789.399.663	18.770.793.007
Chi phí khác							(318.128.588)	(13.085.529)
Thuế thu nhập							(27.927.220.906)	(22.347.148.981)
Lợi nhuận thuần sau thuế							298.242.047.561	211.112.536.225

Tài sản và nợ phải trả không thể phân tách thành các bộ phận theo một cơ sở pháp lý.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)  
Mẫu B 09 - DN

#### 5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	431.408.199	1.359.784.675
Tiền gửi ngân hàng	35.816.402.672	22.413.219.716
Các khoản tương đương tiền	239.000.000.000	274.448.639.057
	<b>275.247.810.871</b>	<b>298.221.643.448</b>

#### 6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	2.405.634.000
Nguyên vật liệu	175.638.787.174	155.698.230.474
Công cụ và dụng cụ	263.148.362	190.774.924
Sản phẩm dở dang	37.625.544.422	23.057.552.867
Thành phẩm	23.975.474.913	73.280.268.718
Hàng hóa	23.030.251	96.000.000
	237.524.985.122	254.728.460.983
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.399.926.611)	(2.399.926.611)
	235.125.058.511	252.328.534.372

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

#### 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Dụng cụ văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	23.770.887.811	141.730.063.647	3.657.228.388	4.414.464.183	173.572.644.029
Phân loại qua chi phí trả trước dài hạn	(6.520.748.059)	-	-	-	(6.520.748.059)
Tăng trong năm	14.364.538.629	50.484.844.387	1.887.320.159	2.886.263.636	69.622.966.811
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.431.281.520	50.246.485.636	-	-	59.677.767.156
Xóa sổ	(134.901.472)	(695.031.826)	(529.785.298)	-	(1.359.718.596)
Số dư cuối năm	40.911.058.429	241.776.361.844	5.014.763.249	7.300.727.819	294.992.911.341
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	12.851.121.941	121.031.845.725	2.126.399.190	3.682.121.833	139.691.488.689
Phân loại qua chi phí trả trước dài hạn	(100.674.889)	-	-	-	(100.674.889)
Khấu hao trong năm	1.527.859.784	8.531.595.537	930.618.322	474.965.152	11.465.038.795
Xóa sổ	(134.901.472)	(695.031.826)	(525.232.016)	-	(1.355.165.314)
Số dư cuối năm	14.143.405.364	128.868.409.436	2.531.785.496	4.157.086.985	149.700.687.281
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	10.919.765.870	20.698.217.922	1.530.829.198	732.342.350	33.881.155.340
Số dư cuối năm	26.767.653.065	112.897.952.408	2.482.977.753	3.143.640.834	145.292.224.060

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 120.544 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 117.646 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm và số dư cuối năm	17.319.885.750
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Khấu hao trong năm và số dư cuối năm	402.788.041
<b>Giá Trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	17.319.885.750
Số dư cuối năm	16.917.097.709

**9. XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	4.752.070.645	2.184.335.584
Tăng trong năm	413.943.061.815	6.029.840.460
Chuyển sang tài sản cố định	(59.677.767.156)	(3.462.105.399)
Số dư cuối năm	359.017.365.304	4.752.070.645

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Quán café VND
Số dư đầu năm	-
Phân loại từ tài sản cố định hữu hình	6.420.073.170
Phân bổ trong năm	(1.050.647.902)
Số dư cuối năm	5.369.425.268

**11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Ma San	234.039.035	-

Các khoản phải trả thương mại đối với công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**12. THUẾ PHẢI NỘP NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.031.221.607	5.737.034.508
Thuế nhập khẩu	10.761.761.210	14.111.046.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.022.802.797	7.346.140.593
	<b>22.815.785.614</b>	<b>27.194.221.226</b>

**13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phí quảng cáo	18.130.872.347	-
Giảm giá hàng bán	13.410.071.656	-
Chi phí bán hàng cho một công ty liên quan	8.363.951.000	-
Chi phí giao nhận	3.906.797.610	1.552.694.388
Chi phí khác	777.458.987	-
	44.589.151.600	1.552.694.388

**14. QUỸ KHEN THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI**

Trong các khoản phải trả người bán có các khoản phải trả một công ty liên quan như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	3.982.082.093	9.047.903.928
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	15.271.615.351	13.811.270.000
Sử dụng trong năm	(8.484.860.000)	(18.877.091.835)
Số dư cuối năm	10.768.837.444	3.982.082.093

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định trích quỹ khen thưởng và phúc lợi 15.271.615.351 VND từ lợi nhuận chưa phân phối.

Mẫu B 09 - DN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

**15. THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	109.589.907.931	22.736.393.873	151.070.874.727	579.162.768.499
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	211.112.536.225	211.112.536.225
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(23.921.221.500)	(23.921.221.500)
Cổ tức giữa kỳ	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Thù lao hội Đồng Quản trị	-	-	-	-	(6.096.999.200)	(6.096.999.200)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(13.811.270.000)	(13.811.270.000)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	27.866.169.101	8.078.066.000	(35.944.235.101)	-
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	137.456.077.032	30.814.459.873	261.146.377.151	725.182.506.024
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	298.242.047.561	298.242.047.561
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	(31.894.962.000)	(31.894.962.000)
Cổ tức giữa kỳ	-	-	-	-	(21.263.308.000)	(21.263.308.000)
Thù lao hội Đồng Quản trị	-	-	-	-	(3.539.477.395)	(3.539.477.395)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(15.271.615.351)	(15.271.615.351)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	36.469.205.847	8.771.106.195	(45.240.312.042)	-
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	265.791.350.000	29.974.241.968	173.925.282.879	39.585.566.068	442.178.749.924	951.455.190.839

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**16. VỐN CỔ PHẦN**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Cổ phiếu phổ thông	26.579.135	265.791.350.000	26.579.135	265.791.350.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại. Không có biến động trong năm của vốn cổ phần.

**17. CÁC QUỸ THUỘC NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**
**(i) Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

**18. DOANH THU**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.  
Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
* Bán hàng	2.141.776.188.691	1.586.025.888.575
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
* Hàng bán bị trả lại	(7.636.794.279)	(453.464.823)
* Giảm giá hàng bán	(19.480.524.683)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>2.114.658.869.729</b>	<b>1.585.572.423.752</b>



Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)  
Mẫu B 09 - DN

### 19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	16.941.494.589	32.747.714.181
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	436.480.000	2.719.259.008
	17.377.974.589	35.466.973.189

### 20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	508.800.000	3.567.025.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.893.276.249	6.399.244.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	436.480.000
	2.402.076.249	10.402.749.967

### 21. THU NHẬP KHÁC

	2012 VND	2011 VND
Thuế nhập khẩu được hoàn lại	18.977.397.433	17.509.392.681
Kết chuyển trợ cấp thôi việc	3.568.169.279	-
Thu nhập khác	1.243.832.951	1.261.400.326
	23.789.399.663	18.770.793.007

### 22. THUẾ THU NHẬP

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	28.225.377.794	22.347.148.981
Dự phòng thừa trong những năm trước	(298.156.888)	-
	27.927.220.906	22.347.148.981

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)  
Mẫu B 09 - DN

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trước thuế	326.169.268.467	233.459.685.206
Thuế theo thuế suất của Công ty	48.925.390.270	35.018.952.781
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho thu nhập khác	1.508.005.987	6.375.175.806
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.156.580.374	
Ưu đãi thuế	(23.364.598.837)	(19.046.979.606)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(298.156.888)	
	27.927.220.906	22.347.148.981

### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, vì là công ty cổ phần được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước trước năm 2006. Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2014). Tất cả các khoản ưu đãi thuế trên không được áp dụng đối với thu nhập khác, thu nhập khác chịu thuế suất 25%.

### 23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành, được tính như sau:

#### (i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận thuần trong năm và phân bổ cho cổ đông phổ thông	298.242.047.561	211.112.536.225

#### (ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012 VND	2011 VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	26.579.135	26.579.135

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm năng.

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**24. CỔ TỨC**

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2012 đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng tiền 31.894.962.000 VND tương đương 1.200 VND trên một cổ phiếu (2011: 23.921.221.500 VND tương đương 900 VND trên một cổ phiếu).

Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 4 tháng 10 năm 2012 đã quyết định ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định tỷ lệ chia cổ tức giữa kỳ cho cổ đông dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2012. Theo đó, cuộc họp của Hội đồng Quản trị quyết định phân phối cổ tức giữa kỳ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo tỷ lệ 8% trên tổng vốn cổ phần với số tiền là 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu (2011: 21.263.308.000 VND tương đương 800 VND trên một cổ phiếu).

**25. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**
**(a) Quản lý rủi ro tài chính**
**(i) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

**(ii) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức, các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

**(b) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	(ii)	274.816.402.672	296.861.858.773
Các khoản phải thu khách hàng	(iii)	47.122.703.254	113.495.984.370
và các khoản phải thu khác		321.939.105.926	410.357.843.143

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**(ii) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến các khoản phải thu mà chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	7.864.265.971	29.878.020.296
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	2.858.618.587	11.238.371.557
Quá hạn trên 180 ngày	4.388.586.873	-
	15.111.471.431	41.116.391.853

**(c) Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi như sau:**

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	56.630.116	-
Số dư cuối năm	56.630.116	-

**(d) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2012</b>	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác	143.481.472.108	143.481.472.108	143.481.472.108
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2011</b>	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác	56.152.928.584	56.152.928.584	56.152.928.584

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**(e) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua mua hoặc bán ngoại tệ tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

Công ty có tài sản/(nợ phải trả) thuần chịu ảnh hưởng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	108.617	4.947
Phải thu khách hàng	1.021.407	-
Phải trả người bán	(111.367)	(559.700)
	<u>1.018.657</u>	<u>(554.753)</u>

**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

	USD	EUR	CNY
Tiền và các khoản tương đương tiền	319.226	1.284.391	-
Phải thu khách hàng	596.820	-	34.390
Phải trả người bán	(88.725)	-	-
	<u>827.321</u>	<u>1.284.391</u>	<u>34.390</u>

Công ty có tài sản/(nợ phải trả) thuần chịu ảnh hưởng như sau:

	Tỷ giá tại ngày	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
USD 1	20.828	20.825
EUR 1	27.371	27.709
CNY 1	3.340	3.365

Tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của biến động tỷ giá hối đoái, sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

**(ii) Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến tiền và các khoản tương đương tiền là không trọng yếu.

**(f) Giá trị hợp lý**
**(i) Giá trị ghi sổ**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Được phân loại là các khoản phải thu		
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.816.402.672	296.861.858.773
Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác	47.179.333.370	113.495.984.370
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác	<u>(143.481.472.108)</u>	<u>(56.152.928.584)</u>
	<u>178.514.263.934</u>	<u>354.204.914.559</u>

**(ii) Giá trị hợp lý**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính theo yêu cầu thuyết minh vì (i) giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không cung cấp hướng dẫn về việc đo lường giá trị hợp lý trong trường hợp giá niêm yết trên thị trường năng động không có sẵn. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị hợp lý.

**26. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2012 VND	2011 VND
<b>Công ty Cổ phần hàng tiêu dùng Ma San</b>		
Cổ tức bằng tiền mặt	27.170.114.000	-
Mua hàng hóa	2.713.113.359	-
Phân chia chi phí bán hàng	13.304.374.000	-
<b>Tổng công ty cà phê Việt Nam</b>		
Cổ tức bằng tiền mặt	19.828.750.000	19.954.937.500
Mua hàng hóa	10.346.463.120	-
<b>Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Cổ tức bằng tiền mặt	1.179.310.000	1.393.371.000
Thù lao	11.675.585.528	9.591.606.207

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

27. CAM KẾT

(a) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	147.286.025.021	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	246.955.554.216	229.330.781.555
	<u>394.241.579.237</u>	<u>229.330.781.555</u>

Bảng tóm tắt tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy sản xuất cà phê hòa tan tại Long Thành như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Giá trị dự án đã được duyệt và ký hợp đồng với nhà cung cấp	470.111.315.363	279.393.177.732
- Giá trị dự án đã thực hiện	223.155.761.147	50.062.396.177
- Giá trị dự án chưa thực hiện	246.955.554.216	229.330.781.555
Giá trị dự án đã được duyệt nhưng chưa ký hợp đồng với nhà cung cấp	147.286.025.021	-
Tổng giá trị dự án đã được duyệt	<u>617.397.340.384</u>	<u>279.393.177.732</u>

(b) Hợp đồng thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	6.757.097.748	2.367.675.857
Từ hai đến năm năm	9.579.278.272	4.216.000.000
	<u>16.336.376.020</u>	<u>6.583.675.857</u>

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.417.264.175.089	1.126.789.524.067
Chi phí nhân công	96.135.014.175	61.086.461.406
Chi phí khấu hao	11.867.826.836	8.251.026.072
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.456.935.705	168.087.738.841
Chi phí khác	42.862.384.923	36.240.044.624

Ngày 22 tháng 3 năm 2013

Người lập:  Người duyệt: 

Lê Hùng Dũng  
Kế toán trưởng

Phạm Quang Vũ  
Tổng Giám đốc





VINACAFÉ - VÌ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG

## Ý KIẾN CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT
2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN
4. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012

## 1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Năm 2012, HĐQT đã đưa ra nhưng định hướng chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển trung – dài hạn mang tính chiến lược được hoạch định hoàn chỉnh nhằm triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội cổ đông thường niên năm 2012 đã đưa ra.
- HĐQT đã quản lý, chỉ đạo điều hành mọi hoạt động của Công ty theo đúng pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của HĐQT để ra.
- Trong năm 2012, với tình hình kinh tế đầy biến động, HĐQT luôn theo sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và luôn lấy nghị quyết Đại hội đồng cổ đông làm kim chỉ nam. Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và sự biến động của tình hình kinh tế, HĐQT đã xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và đã có quyết nghị kịp thời điều chỉnh doanh thu năm 2012 giảm xuống là: 2.300 tỷ và lợi nhuận là: 300 tỷ so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 là 3000 tỷ doanh thu và 360 tỷ lợi nhuận.
- Trong năm 2012, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông liên quan đến HĐQT, BKS và Ban Điều hành.

## 2. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Năm 2012 là năm nhiều khó khăn và thử thách đối với nền kinh tế nói chung và của Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa nói riêng. Nhưng với những cố gắng và nỗ lực đáng được trân trọng của Ban Điều hành đã giúp cho sự tăng trưởng và phát triển của Công ty luôn bền vững và năm sau luôn cao hơn năm trước. Mặc dù kết quả đạt được so với kế hoạch còn hạn chế.
- Một số chỉ tiêu chính yếu đạt được trong năm 2012 được thể hiện như sau:
  - Doanh thu: 2.114 tỷ tăng 33,3% so với cùng kỳ và đạt 91.9 % so với kế hoạch.
  - Lợi nhuận: 298 tỷ tăng 41% so với cùng kỳ và đạt 99% so với kế hoạch.
  - Sản lượng sản xuất cà phê và ngũ cốc dinh dưỡng các loại đạt: 25.471 tấn đạt 90,2% so với kế hoạch và tăng 24,8% so với cùng kỳ
  - Sản lượng tiêu thụ cà phê và ngũ cốc dinh dưỡng các loại đạt: 26.188 tấn đạt 92,3% so với kế hoạch và tăng 31,9% so với cùng kỳ
  - Ban Điều hành thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và quyết định về những vấn đề chính yếu của Công ty nhằm triển khai thực hiện kịp thời các quyết định, nghị quyết của HĐQT theo sát nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.  
Ban Điều hành đã triển khai và vận hành thành công phần mềm quản lý ERP nhằm phát huy hiệu quả bộ máy tổ chức và quản lý của Công ty.

## 3. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN:

- Dự án nhà máy sản xuất cà phê hòa tan 3200kg/năm tại Long Thành, cơ bản đã hoàn thiện xong phần xây dựng và lắp ráp máy móc thiết bị. Chuẩn bị cho giai đoạn test, chạy thử và sẽ đi vào sản xuất vào đầu tháng 04 năm 2013.
- Chi phí cho dự án đến thời điểm 31/12/2012 là khoảng 360 tỷ đồng.

## 4. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2012:

- Công tác kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.
- Số liệu thể hiện trong báo cáo tài chính năm 2012 phản ánh hợp lý, trung thực, chính xác tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 .
- Việc luân chuyển, lưu trữ, sử dụng và bảo quản chứng từ hợp pháp, hợp lệ.
- Một vài số liệu chính yếu được thể hiện trong bảng báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2012:

### a. Tình hình SXKD của Công ty trong năm:

Chỉ tiêu	KH 2012	TH 2012	TH 2011	SS cùng kỳ	% Kế hoạch
Doanh thu thuần	2.300.000	2.114.658	1.585.572	556.204	93
Lợi nhuận trước thuế	326.169	326.169	233.459	92.710	102
Trong đó: ●SXKD	300.000	302.698	214.701	87.996	101
● khác		23.471	18.757	4.714	
Lợi nhuận sau thuế	300.000	298.242	211.112	87.130	99
Tỷ lệ LN/DT		14	13	1	
Tỷ lệ LN/VỐN CSH		31	29	2	
Thu nhập trên mỗi CP		11	7	4	

### b. Tình hình tăng giảm tài sản và nguồn vốn trong năm 2012:

Chỉ tiêu	2,012	2,011	tăng/giảm	Tỷ lệ tăng/giảm
Tổng tài sản:	1.133.187.627	818.064.704	315.122.923	39%
●Tài s ản ngắn hạn	606.591.515	762.111.592	(155.520.077)	-20%
●Tài s ản dài hạn	526.596.112	55.953.112	470.643.000	841%
Tổng nguồn vốn:	1.133.187.627	818.064.704	315.122.923	39%
●Nợ phải trả	181.732.436	92.882.197	88.850.239	96%
●Nguồn vốn CSH	951.455.191	725.182.506	226.272.685	31%
Trong đó vốn góp của CĐ	265.791.350	265.791.350	-	0%

## 5. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG:

- Ban Điều hành và người lao động luôn đặt trọng tâm vào kết quả sản xuất kinh doanh, cùng bàn bạc, thảo luận và đưa ra các giải pháp khắc phục khó khăn.
- Quyền lợi của Người lao động được chăm lo đầy đủ, đúng chế độ qui định như: chế độ phúc lợi xã hội, chế độ thi đua khen thưởng v.v... Các tổ chức chính trị - xã hội luôn được thực hiện và quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để duy trì hoạt động.



THAM GIA GIAN HÀNG QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU VIỆT TẠI CÁC HỘI CHỢ QUỐC TẾ

## THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY LIÊN QUAN

1. CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG TIÊU DÙNG MASAN
2. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN



## 1. CÔNG TY CP HÀNG TIÊU DÙNG MASAN (MASAN COMSUMER)



Địa chỉ: Kumho Asiana Plaza, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.  
 Người đại diện phần vốn góp:  
 Ông Nguyễn Đăng Quang- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Masan group.  
 Ông Trương Công Thắng- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan.

- Masan Consumer là một trong những công ty hàng tiêu dùng nhanh sản xuất và phân phối nhiều mặt hàng thực phẩm bao gồm nước tương, nước mắm, tương ớt và mì ăn liền. Hoạt động từ năm 2000, Công ty đã phát triển danh mục sản phẩm, tăng doanh số bán hàng trong nước và mở rộng các kênh phân phối để thiết lập vị trí hàng đầu trong lĩnh vực thực phẩm có thương hiệu ở Việt Nam. Những thương hiệu chính của Masan Consumer bao gồm Chinsu (nước tương, nước mắm, tương ớt), Tam Thái Tử (nước tương), Nam ngư (nước mắm), Omachi, Oh Ngon, Tiến Vua (mì ăn liền). Năm 2011, Masan Consumer được hình thành trên cơ sở tái cấu trúc Masan Food hướng tới mục tiêu nhân rộng nền tảng đã thành công của Masan Food sang các ngành thực phẩm và nước giải khát khác.
- Tính đến ngày 31/12/2012, Masan Consumer sở hữu 14.140.911 cổ phiếu, tương đương 53,2 % vốn điều lệ của Vinacafe Biên Hòa.

## 2. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM – CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN.



Địa chỉ: 211-213-213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.  
 Người đại diện phần vốn góp:  
 Ông Đoàn Đình Thiêm- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam.  
 Ông Phạm Quang Vũ- Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa  
 Ông Nguyễn Công Trung- Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đối mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

- Tổng Công ty Cà phê Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 251/TTg ngày 29/4/1995 của Thủ tướng Chính Phủ và được Thủ tướng chính phủ phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và Hoạt động theo QĐ số 04/2008/QĐ-TTg ngày 09/1/1998
- Công ty mẹ- Tổng Công ty Cà phê Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 980/QĐ-TTg về việc chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty cà phê Việt Nam thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.
- Tổng Công ty cà phê Việt Nam là tổng Công ty nhà nước có các đơn vị đặt địa bàn trên 15 tỉnh và thành phố trong nước và 1 đơn vị hoạt động tại Lào. Địa bàn trong nước chủ yếu đặt tại Tây Nguyên.
- Tính đến ngày 31/12/2012, Tổng công ty Cà phê Việt Nam hiện vẫn đang nắm giữ 9.914.375 cổ phần, tương đương 37,3% vốn điều lệ của Vinacafe Biên Hòa.





TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG CHĂM LO ĐỜI SỐNG CB-CNV

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. CƠ CẤU TỔ CHỨC
2. SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC
3. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

## 1. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

a. Đại Hội đồng cổ đông là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Đại hội đồng Cổ đông cũng bầu ra Ban kiểm soát, giúp Đại hội đồng cổ đông kiểm soát nội bộ công ty. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc và ba Phó Tổng Giám đốc (gồm 01 phó Tổng Giám đốc phụ trách tài chính, 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách xây dựng cơ bản và 01 Phó Tổng Giám đốc phụ trách kinh doanh) để trực tiếp điều hành công ty. Vinacafé Biên Hòa có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn, gồm 10 phòng ban chức năng, 03 chi nhánh đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội và Long Thành- Đồng Nai; 02 phân xưởng sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.

b. Hội đồng quản trị:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn
1	Đoàn Đình Thiêm	Chủ tịch	1954	Tiến sĩ kinh tế
2	Đỗ Văn Nam	Thành viên	1955	Cử nhân kinh tế
3	Phạm Quang Vũ	Phó chủ tịch	1959	Cử nhân kinh tế
4	Lê Quang Chính	Thành viên	1954	Cử nhân kinh tế
5	Lê Hùng Dũng	Thành viên	1965	Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật
6	Bùi Xuân Thoa	Thành viên	1955	Kỹ sư tự động hóa
7	Nguyễn Công Trung	Thành viên	1976	Cử nhân Luật- Cử nhân hành chính học
8	Tô Hải	Thành viên	1973	Thạc sĩ tài chính ngân hàng
9	Nguyễn Đăng Quang	Thành viên	1963	Tiến sĩ khoa học công nghệ
10	Trương Công Thắng	Thành viên	1973	Cử nhân kinh tế
11	Đình Quang Hoàn	Thành viên	1976	Thạc sĩ kinh tế

c. Ban Kiểm soát

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng Ban	1966	Kỹ sư chế tạo máy
2	Đỗ Xuân Hậu	Thành viên	1966	Cử nhân tài chính- Kế toán
3	Huỳnh Thiên Phú	Thành viên	1981	Thạc sĩ Kinh tế

d. Ban Điều hành:

Stt	Họ tên	Chức vụ	Năm sinh	Trình độ chuyên môn
1	Phạm Quang Vũ	Tổng Giám đốc	1959	Cử nhân kinh tế
2	Lê Quang Chính	Phó TGD	1954	Cử nhân kinh tế
3	Lê Hùng Dũng	Phó TGD	1965	Cử nhân kinh tế, cử nhân Luật
4	Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	1969	Cử nhân QTKD, CN Ngoại ngữ

e. Đội ngũ cán bộ công nhân viên: tính đến 31/12/2012, tổng số cán bộ công nhân viên của công ty là 716 người (Bao gồm cả Thành viên Ban điều hành công ty), trong đó có 427 lao động nam và 287 lao động nữ.

## 2. SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC CÔNG TY CP VINACAFÉ BIÊN HÒA



### 3. CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Trải qua gần nửa thế kỷ hình thành và phát triển của Vinacafé Biên Hòa, hầu hết người lao động của công ty luôn đoàn kết, hỗ trợ nhau, kể vai sát cánh đưa công ty vượt qua nhiều thử thách khó khăn. Đặc biệt, có nhiều trường hợp cả gia đình, vợ chồng, con cái, anh em cùng làm việc trong Công ty. Điều đó thực sự là sự gắn kết tuyệt vời giữa Công ty và gia đình, Công ty như là gia đình lớn của người lao động.

Chính vì thế, việc thực hiện các chính sách đãi ngộ, tri ân những kết quả mà người lao động đã đóng góp cho công ty luôn là một trong những mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo.

Vinacafé Biên Hòa là ngôi nhà thứ 2 của hầu hết cán bộ công nhân viên

#### Về chế độ làm việc:

- Đối với bộ phận gián tiếp sản xuất (khối văn phòng), Công ty thực hiện chế độ làm việc 40 giờ/ tuần; đối với khối trực tiếp sản xuất tổ chức làm việc theo ca. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về ngày, giờ làm việc, giờ nghỉ ngơi tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên có thời gian nghỉ hợp lý, góp phần nâng cao hiệu quả công việc.
- Người lao động được chăm sóc sức khỏe đầy đủ, được khám bệnh nghề nghiệp theo định kỳ hàng năm nhằm phát hiện và điều trị bệnh kịp thời, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội và mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ.
- Người lao động được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật, được ký kết thỏa ước lao động tập thể với Công ty.
- Công ty đã thành lập mạng lưới an toàn viên về An toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng các phương án đối phó với các trường hợp khẩn cấp.
- Đời sống người lao động được quan tâm, người lao động được Công ty cho vay tiền không tính lãi suất để sửa chữa nhà ở, được thăm hỏi, động viên kịp thời khi bị ốm đau hoặc gia đình có hiếu, hỉ,..
- Các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí được tổ chức thường xuyên nhằm tạo sự thoải mái và phấn khởi, vui tươi trong CB.CNV (Hàng năm Công ty tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ dưỡng tại các địa điểm du lịch, tổ chức cắm trại cho đoàn viên thanh niên, tổ chức dã ngoại cho các cháu thiếu nhi vào ngày Quốc tế thiếu nhi,..).
- Người lao động được xem xét nâng lương, nâng bậc hàng năm hoặc đột xuất khi có thành tích đóng góp nổi bật, được mua cổ phiếu ưu đãi của Công ty khi Công ty phát hành cổ phiếu lần đầu hoặc phát hành tăng vốn điều lệ.
- Công ty tổ chức xe đưa đón hàng ngày cho cán bộ công nhân viên tại TP. HCM.
- Được đào tạo người lao động bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ thường xuyên và được khuyến khích tham gia các khóa tự đào tạo.

#### Về môi trường làm việc:

Công ty chú trọng vào việc xây dựng môi trường làm việc đảm bảo an toàn, thân thiện và thoải mái về mặt tâm lý cho người lao động, tạo sự gắn kết giữa người lao động với công ty. Cụ thể như:

- Đối với khối hành chính, văn phòng: Các khu vực làm việc đảm bảo điều kiện ánh sáng, nhiệt độ, độ ồn, bụi,... các phương tiện làm việc cá nhân như máy vi tính, máy tính, máy in, điện thoại, đường truyền internet, mạng nội bộ... được trang bị đầy đủ.
- Đối với các khu vực sản xuất trực tiếp: Nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt đảm bảo luôn đầy đủ và hợp vệ sinh, hệ thống nhà vệ sinh, nhà tắm, phòng thay đồ, tủ cá nhân được trang bị đầy đủ.
- Toàn công ty có nhà bếp và đội ngũ nhân viên cấp dưỡng riêng để đảm bảo chất lượng bữa ăn giữa ca cho người lao động được phục vụ tốt nhất, các bữa ăn giữa ca được bộ phận y tế của công ty giám sát về chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm theo đúng quy định.
- Người lao động làm việc tại các khu vực sản xuất bị ảnh hưởng bụi, độ ồn đều được trang bị các phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ, được phụ cấp độc hại theo quy định của pháp luật.
- Việc kiểm soát về an toàn thiết bị được ưu tiên hàng đầu, các thiết bị áp lực được kiểm định theo quy định, các

thiết bị PCCC được trang bị đầy đủ. Công ty đã thành lập ban PCCC để triển khai và giám sát các kế hoạch PCCC tại công ty.

- Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải riêng, đảm bảo nguồn nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A.

#### Về chế độ lương, thưởng:

- Trong những năm qua, Vinacafé Biên Hòa đã duy trì chế độ lương, thưởng thích hợp, đúng quy định pháp luật, thu nhập bình quân của người lao động ổn định và tăng hàng năm theo kết quả kinh doanh của công ty. Năm 2012 thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên là 9.700.000 đ/ người (không tính lương của Ban Điều hành, cán bộ quản lý.)
- Công ty thực hiện việc chi trả lương cho cán bộ công nhân viên tùy thuộc vào từng chức danh công việc được phân công, độ phức tạp của công việc, chức vụ, ngày công lao động và tình hình sản xuất kinh doanh của công ty, đảm bảo công bằng hợp lý, tuân thủ pháp luật và nâng cao đời sống của công nhân viên trong công ty.
- Hàng năm đều có xem xét nâng lương, nâng ngạch/bậc lương cho mỗi cán bộ công nhân viên, tạo động lực để người lao động hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, có điều kiện phấn đấu liên tục, góp sức cho sự phát triển của công ty.
- Căn cứ vào lợi nhuận trong hoạt động sản xuất kinh doanh từng năm, người lao động được thưởng theo định kỳ. Bên cạnh đó, công ty luôn khuyến khích và xem xét thưởng đột xuất cho cán bộ công nhân viên có nhiều đóng góp, sáng kiến kỹ thuật đem lại hiệu quả năng suất công việc cao, lợi nhuận đáng kể cho công ty. Mức thưởng cụ thể sẽ do Tổng Giám đốc quyết định đối với từng trường hợp.



Tổng thu nhập chịu thuế TNCN năm 2012 của Ban Điều Hành, bao gồm các khoản kiêm nhiệm chức danh thuộc HĐQT

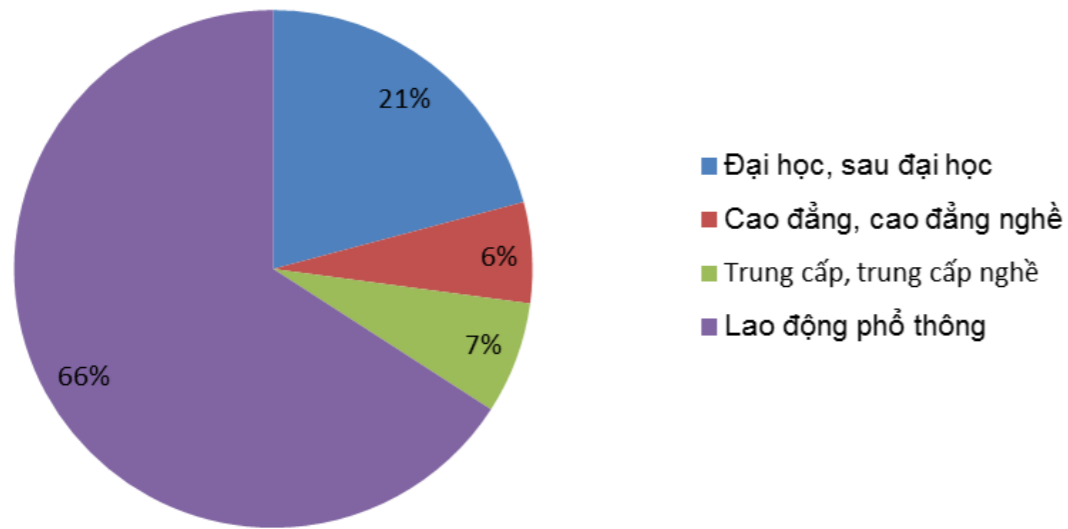
Stt	Họ tên	Chức vụ	Lương (ĐVT: đồng)	Phụ cấp (ĐVT: đồng)	Thưởng (ĐVT: đồng)	Cổ tức (ĐVT: đồng)	Tổng thu nhập
1	Phạm Quang Vũ	Tổng Giám đốc	1,513,846,154	264,000,000	710,959,060	566,610,000	3,055,415,214
2	Lê Quang Chính	Phó TGD	1,142,307,692	264,000,000	545,318,279	131,776,000	2,083,401,971
3	Lê Hùng Dũng	Phó TGD	1,135,384,615	261,600,000	544,926,143	375,000,000	2,316,910,758
4	Nguyễn Thanh Tùng	Phó TGD	1,089,923,077	24,000,000	179,320,508		1,293,243,585

**Về tuyển dụng và Đào tạo- phát triển nguồn nhân lực:**

Trong năm qua, công ty đã chú trọng đến vấn đề tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực tại công ty. Các nhân sự chủ chốt, các vị trí công việc chuyên môn thuộc bộ phận kế toán, cung ứng, lao động phổ thông..được tuyển dụng đủ đáp ứng được nhu cầu công việc hiện tại. Bên cạnh đó, công ty khuyến khích cán bộ công nhân viên tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tổ chức những khóa học nâng cao kỹ năng cho cán bộ công nhân viên (cử cá nhân đi học, mời giáo viên về công ty giảng dạy...)

Stt	Trình độ lao động	Số người
1	Đại học, sau đại học	149
2	Cao đẳng, cao đẳng nghề	45
3	Trung cấp, trung cấp nghề	50
4	Lao động phổ thông	472

TRÌNH ĐỘ LAO ĐỘNG CỦA CB-CNV CÔNG TY





ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN CÔNG KHAI, MINH BẠCH

## CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
2. BAN ĐIỀU HÀNH
3. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT
4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
5. THÙ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
6. TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN
7. THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU
8. GIỚI THIỆU VỀ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG
9. GIỚI THIỆU CÁC CỔ ĐÔNG

## 1. GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



**ÔNG ĐOÀN ĐÌNH THIÊM,**  
Chủ tịch HĐQT  
Sinh ngày: 09/ 3/ 1954

Ông Đoàn Đình Thiêm là Tiến sĩ Kinh tế đang giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Cà phê Việt Nam. Tại Đại hội Cổ đông bất thường ngày 27/ 10/ 2011, ông Đoàn Đình Thiêm được bầu vào Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa và HĐQT thống nhất bầu ông Thiêm giữ chức Chủ tịch, thay ông Đỗ Văn Nam kể từ ngày 27/ 10/ 2011.

Ông Thiêm từng là Vụ trưởng, Trưởng ban Đổi mới và quản lý doanh nghiệp - Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn từ năm 2004 đến 2008. Trước đó ông Thiêm là Chánh Thanh tra Bộ Nông nghiệp và PTNT từ năm 1996 - 2004.



**ÔNG PHẠM QUANG VŨ,**  
Phó Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc  
Sinh ngày: 12/ 2/ 1959

Ông Phạm Quang Vũ là cử nhân Kinh tế, được Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2010 bầu vào HĐQT và được HĐQT bầu là Phó Chủ tịch, được bổ nhiệm là Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa từ 06/2010 cho đến nay.

Ông Vũ có nhiều năm gắn bó với ngành cà phê và kinh nghiệm hơn 20 năm trong lĩnh vực kinh doanh cà phê. Ông Vũ từng là thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 1/2005 đến 05/2010; Phó giám đốc Nhà máy Cà phê Biên Hòa (10/2004 – 12/2004); Trưởng phòng kinh doanh Nhà máy Cà phê Biên Hòa (01/2001 – 09/2004), Tổ trưởng tổ cung tiêu – Nhà máy cà phê Biên Hòa (01/1996 - 12/2000)



**ÔNG LÊ QUANG CHÍNH,**  
Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  
Sinh ngày: 16/ 6/ 1954

Ông Lê Quang Chính là cử nhân Kinh tế. Từ 2005, ông Chính được bầu là Ủy viên HĐQT.

Ông Chính giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 01/ 2005. Trước đó, ông Chính là Phó Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 01/ 05/ 1997 đến tháng 12/ 2004; Từ 01/ 05/ 1988 đến tháng 4/ 1997 là Kế toán trưởng Nhà máy Cà phê Biên Hòa; Từ 01/ 06/ 1981 đến 04/ 1988 là Tổ trưởng Tổ Nghiệp vụ Nhà máy Cà phê Biên Hòa.



**ÔNG LÊ HÙNG DŨNG,**  
Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  
kiểm Kế toán trưởng  
Sinh ngày: 19/ 6/ 1965

Ông Lê Hùng Dũng có bằng cử nhân Kinh tế, cử nhân Luật. Ông Dũng hiện là Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 6/ 2010.

Trước đó, Ông Dũng là Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa từ tháng 1/ 2005. Từ tháng 10/ 2004 đến tháng 12/ 2004, ông Dũng là Kế toán trưởng Nhà máy Cà phê Biên Hòa; Từ 7/ 1997 đến 9/ 2004: Phó kế toán trưởng Nhà máy cà phê Biên Hòa; Từ 6/ 1988 đến tháng 6/ 1997: Nhân viên kế toán – Nhà máy cà phê Biên Hòa.



**ÔNG NGUYỄN ĐĂNG QUANG,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 23/ 8/ 1963

Ông Nguyễn Đăng Quang là Tiến sĩ Khoa học Công nghệ của Học viện Khoa học Quốc gia Belarus và Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh của Đại học Kinh tế Nga Plekhanov. Ông Quang được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/ 10/ 2011.

Ông Quang hiện là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Masan Group, Chủ tịch HĐQT của Masan Consumer, Phó Chủ tịch Thứ nhất của Techcombank, và Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo.



**ÔNG ĐỖ VĂN NAM,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 02/ 9/ 1955

Ông Đỗ Văn Nam là cử nhân kinh tế, được bầu vào Hội đồng Quản trị Vinacafé Biên Hòa từ 2005. Ông Nam giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ 1/ 2005 đến 10/ 2011.

Ông Nam hiện là Cục trưởng Cục Chế biến Thương mại Nông lâm thủy sản và Nghề muối Bộ Nông nghiệp & PTNT. Trước đó, ông Nam từng giữ các chức vụ Tổng Giám đốc Tổng Công ty cà phê Việt Nam từ 6/ 2005 đến 2/ 2011, Quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty cà phê Việt Nam từ 01/ 2004 đến 6/ 2005, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Rau quả từ 5/ 1998 đến 12/ 2003, Giám đốc – Công ty Vật tư & XNK Rau quả- Tổng Công ty Rau quả từ 10/ 1995 đến 4/ 1998, Phó Giám đốc – Công ty Vật tư & XNK Rau quả- Tổng Công ty Rau quả từ 4/ 1993 đến 9/ 1995, Phó trưởng đại diện – Công ty Thương mại VELK Nhật Bản tại Hà Nội từ 1990 đến 1993, Phó trưởng phòng Tổng Công ty XNK Rau quả từ 1988 đến 1990.



**ÔNG BÙI XUÂN THOA,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 06/ 8/ 1955

Ông Bùi Xuân Thoa là kỹ sư tự động hóa tại Liên Xô (cũ) từ 1978, được bầu vào HĐQT các nhiệm kỳ 2005 - 2009 và 2010 - 2014.

Ông Thoa từng là Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa từ 01/ 2005 đến 05/ 2010. Trước đó, ông Thoa từng giữ các chức vụ: Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 07/ 1989 đến 12/ 2004; Quyền Giám đốc Nhà máy cà phê Biên Hòa từ 3/ 1988 đến tháng 06/ 1989, Phó Giám đốc Nhà máy Cà phê Biên Hòa từ 01/ 1983 đến 02/ 1988. Ông Thoa đã có hàng chục năm gắn bó với ngành cà phê, là người khởi tạo thương hiệu Vinacafé.

Trước khi đến với cà phê Ông Thoa là Quản đốc phân xưởng Cơ khí Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 04/ 1982 đến 05/ 1983, Phó quản đốc PX Cơ khí Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 6/ 1983 đến 10/ 1983, Kỹ sư Nhà máy sữa Trường Thọ, Thủ Đức, TP.HCM từ 2/ 1979 đến 03/ 1982.



**ÔNG TÔ HẢI,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 01/ 12/ 1973

Ông Tô Hải là Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng, được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ tháng 6/ 2010 cho đến nay

Hiện nay ông Hải hiện đang giữ chức vụ Tổng giám đốc Công ty Chứng khoán Bản Việt. Trước đó, ông Hải là Giám đốc chi nhánh – Công ty chứng khoán Bảo Việt từ năm 2003 đến 2007; Trưởng phòng Tư vấn – Công ty chứng khoán Đông Á từ năm 2002 đến 2003; Từ năm 2001 đến 2002 là Chuyên viên phân tích – Công ty chứng khoán Bảo Việt; Từ năm 1997 đến 2000: Cán bộ dự án – Công ty viễn thông liên tỉnh, Tổng Công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (Vietnam Telecom Nation).



**ÔNG TRƯƠNG CÔNG THẮNG,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 06/ 3/ 1973

Ông Thắng là Cử nhân Kinh tế, được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ tháng 10/ 2011 cho đến nay.

Hiện thời, ông Thắng là Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan, Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Masan, Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Green Garden. Trước đó, ông Thắng đã làm việc tại Liên doanh Sea Breeze Holding Co., ITC Global Holdings Co., Công ty TNHH Procter & Gamble.



**ÔNG ĐINH QUANG HOÀN,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 22/ 8/ 1976

Ông Đinh Quang Hoàn là Thạc sỹ Kinh tế và là hội viên Hiệp hội Kế toán Công chứng Anh Quốc. Ông Hoàn được bầu vào HĐQT Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/ 10/ 2011.

Trước đây, ông Hoàn là kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Arthur Andersen, Trưởng phòng Kiểm toán Công ty Kiểm toán KPMG, P. Trưởng phòng Tư vấn Công ty Chứng khoán Bảo Việt. Hiện ông Hoàn đang làm việc tại Công ty chứng khoán Bản Việt với chức vụ Giám đốc Tư vấn.



**ÔNG NGUYỄN CÔNG TRUNG,**  
Ủy viên HĐQT  
Sinh ngày: 18/ 8/ 1976

Ông Nguyễn Công Trung là Cử nhân Luật (Trường Đại học Luật Hà Nội), Cử nhân Hành chính học (Học viện Hành chính Quốc gia); được bầu vào Hội đồng quản trị Vinacafe Biên Hòa từ tháng 5/2010.

Ông Trung hiện là Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng Công ty Cà phê Việt Nam.

Trước đó, Ông đã từng giữ các chức danh: Thư ký Tổng giám đốc, Trợ lý Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cà phê Việt Nam (8/ 2006 – 3/ 2010); Chuyên viên, Thư ký Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp, Phó trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ - Thanh tra (7/ 1999 - 10/ 2010); Phó Bí thư, Bí thư Đoàn Thanh niên Tổng Công ty Cà phê Việt Nam, Ủy viên Ban Chấp hành Đoàn Khối Doanh nghiệp Trung ương (5/ 2006 – 5/ 2010); Chuyên viên tư vấn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Vinh Minh Quân, Hà Nội (1/ 1998 - 7/ 1999).

## 2. GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH

**ÔNG PHẠM QUANG VŨ,**  
Phó Chủ tịch HĐQT,  
Tổng Giám đốc  
(Xem phần Hội đồng Quản trị)

**ÔNG LÊ HÙNG DŨNG,**  
Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc  
kiêm Kế toán trưởng  
(Xem phần Hội đồng Quản trị)

**ÔNG LÊ QUANG CHÍNH,**  
Ủy viên HĐQT,  
Phó Tổng Giám đốc  
(Xem phần Hội đồng Quản trị)



**ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG**  
Phó Tổng Giám đốc  
Sinh ngày: 13/7/ 1969

Ông Nguyễn Thanh Tùng là cử nhân quản trị kinh doanh và cử nhân ngoại ngữ.

Ông Nguyễn Thanh Tùng được bổ nhiệm vào vị trí Phó Tổng Giám đốc Vinacafé Biên Hòa từ tháng 2/2012. Trước đó, cũng tại Vinacafé Biên Hòa, ông Tùng đã từng đảm nhận các vị trí Trưởng phòng Marketing kiêm Trưởng phòng Kinh Doanh từ tháng 1/2011 đến tháng 1/2012, Trưởng phòng Marketing từ tháng 6/2002 đến tháng 12/2010.

## 3. GIỚI THIỆU BAN KIỂM SOÁT



**ÔNG NGUYỄN NGỌC TUẤN,**  
Trưởng Ban Kiểm soát  
Sinh ngày: 30/ 12/ 1966

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn là kỹ sư chuyên ngành chế tạo máy hiện là Trưởng ca dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan Phân xưởng Bán thành phẩm – Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Từ tháng 10/1989 đến 09/2002 ông Tuấn là Công nhân cơ khí – Nhà máy Cà phê Biên Hòa; từ tháng 10/2002 đến 12/2004 là Trưởng ca dây chuyền sản xuất cà phê hòa tan Phân xưởng Bán thành phẩm – Nhà máy Cà phê Biên Hòa.



**ÔNG HUỖNH THIÊN PHÚ,**  
Thành viên BKS  
Sinh ngày: 18/ 11/ 1981

Ông Huỳnh Thiên Phú là Thạc sĩ Kinh tế, hiện đang làm việc tại Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan với chức danh Trưởng phòng kế toán chuỗi cung ứng. Ông Phú được bầu vào BKS Vinacafé Biên Hòa từ ngày 27/10/2011.

Trước đây, ông Phú có thời gian làm việc tại Điện lực TP. Hồ Chí Minh, Công ty Unilever Việt Nam.



**ÔNG ĐỖ XUÂN HẬU,**  
Thành viên BKS  
Sinh ngày: 05/ 3/ 1966

Ông Đỗ Xuân Hậu tốt nghiệp Đại học Tài chính – Kế toán, hiện là Phó Trưởng ban Tài Chính Kế toán Tổng Công ty Cà phê Việt Nam và thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa.

Trước đây, ông Hậu đã từng phụ trách kế toán Chi nhánh Công ty cổ phần Vinacafé Biên Hòa tại Tp. HCM, nhân viên lao động tiền lương tại Công ty XNK Duyên Hải, nhân viên tiếp tân Khách sạn Con Rồng; nhân viên kế toán DNTN Hùng Thắng.

## 4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động chung

Trong năm 2012, trước nhiều khó khăn, thử thách do sự khủng hoảng nền kinh tế tác động, nhưng Hội đồng quản trị đã thường xuyên giám sát và chỉ đạo Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2012, tiếp tục triển khai xây dựng nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai nhằm mục đích hoàn thành đúng kế hoạch đề ra,

Trong năm 2012, HĐQT Vinacafé Biên Hòa đã họp tập trung thông qua các vấn đề sau:

- Kế hoạch kinh doanh năm 2012;
- Đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và xây dựng cơ bản;
- Thành lập mới một số chi nhánh và phòng R&D;
- Nhập khẩu máy đóng gói
- Lựa chọn công ty kiểm toán 2012;
- Phê duyệt chi tiết các hạng mục trong tổng mức đầu tư Nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai.

Nhìn lại kết quả kinh doanh năm 2012 mà Công ty CP Vinacafé Biên Hòa đạt được đã chứng tỏ sự sâu sát chỉ đạo, tầm nhìn chiến lược, cụ thể của Hội đồng Quản Trị công ty.

Từ tháng 10. 2011, với sự tăng cường của 4 thành viên mới, Hội đồng Quản trị đã thành lập 3 Tiểu Ban, gồm:

### 1. Tiểu ban Chiến lược Kinh Doanh:

- Ông Phạm Quang Vũ (Trưởng Ban),
- Ông Trương Công Thắng,
- Ông Đỗ Văn Nam,
- Ông Lê Hùng Dũng.

Tham gia tiểu ban này có thêm 2 thành viên không thuộc HĐQT

- Ông Nguyễn Thanh Tùng (Phó Tổng Giám đốc)
- Ông Nguyễn Hữu Long (PGĐ Marketing – Đổ uống Masan Consumer)

### 2. Tiểu ban Đầu Tư:

- Ông Lê Quang Chính (Trưởng Ban),
- Ông Nguyễn Đăng Quang,
- Ông Bùi Xuân Thoa.

### 3. Tiểu ban Hoạch định Chiến lược Tài Chính:

- Ông Lê Hùng Dũng (Trưởng Ban),
- Ông Nguyễn Đăng Quang,
- Ông Đinh Quang Hoàn,





**Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành**

Nhờ được cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời và tham gia đầy đủ các cuộc họp cũng như trao đổi với nhau thường xuyên, các thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành công ty đã có những đóng góp khách quan trong việc ra các quyết định quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kinh doanh ngắn hạn và các chiến lược phát triển trong dài hạn của công ty.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc: thường xuyên.

Hoạt động của các Tiểu ban trong Hội đồng Quản trị

**Tiểu ban Chiến lược Kinh doanh:**

- Xây dựng chiến lược kinh doanh vào đầu năm 2012 và rà soát, điều chỉnh kế hoạch kinh doanh cho sát với tình hình thực tiễn vào 6 tháng cuối năm.

**Tiểu ban Hoạch định chiến lược Tài chính**

- Xem xét ngân sách cho các hoạt động phù hợp với kế hoạch kinh doanh 2012 và chuẩn bị ngân sách tài chính cho các năm tiếp theo.

**Tiểu ban Đầu tư:**

- Thúc đẩy tiến độ và các nhà thầu để nhà máy cà phê hòa tan tại Long Thành, Đồng Nai chính thức đi vào hoạt động sớm nhất.

**Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị**

ĐVT: Đồng

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO HĐQT
1	Đoàn Đình Thiêm	Chủ tịch HĐQT	360,000,000
2	Phạm Quang Vũ	Phó CT, TGD	240,000,000
3	Đỗ Văn Nam	TV HĐQT	240,000,000
4	Lê Quang Chính	TV HĐQT, Phó TGD	240,000,000
5	Lê Hùng Dũng	TV HĐQT, Phó TGD	240,000,000
6	Bùi Xuân Thoa	TV HĐQT	240,000,000
7	Nguyễn Công Trung	TV HĐQT	240,000,000
8	Tô Hải	TV HĐQT	240,000,000
9	Định Quang Hoàn	TV HĐQT	240,000,000
10	Nguyễn Đăng Quang	TV HĐQT	240,000,000
11	Trương Công Thắng	TV HĐQT	240,000,000

**Thù lao thành viên Ban Kiểm soát**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	THÙ LAO BKS
1	Nguyễn Ngọc Tuấn	Trưởng ban BKS	36,000,000
2	Huỳnh Thiên Phú	Thành viên BKS	24,000,000
3	Đỗ Xuân Hậu	Thành viên BKS	24,000,000

**Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính					
	2011		2012		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1 Cổ đông trong nước	26.126.723	98,30%	25.119.133	94,51%	(1.007.590)	-3,79%
- Cá nhân	2.854.731	10,74%	1.063.712	4,00%	(1.791.019)	-6,74%
- Tổ chức	23.271.992	87,56%	24.055.421	90,50%	783.429	2,95%
2 Cổ đông nước ngoài	452.412	1,70%	1.460.002	5,49%	1.007.590	3,79%
- Cá nhân	65.512	0,25%	47.292	0,18%	(18.220)	-0,07%
- Tổ chức	386.900	1,46%	1.412.710	5,32%	1.025.810	3,86%

**THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính					
	2011		2012		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1 Đoàn Đình Thiêm (*)	7.435.781	27,98%	6.444.344	24,25%	(991.437)	-3,73%
- Đại diện	7.435.781	27,98%	6.444.344	24,25%	(991.437)	-3,73%
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
2 Phạm Quang Vũ (**) (***)	2.777.899	10,45%	2.697.899	10,15%	(80.000)	-0,30%
- Đại diện	2.478.594	9,33%	2.478.594	9,33%	-	-
- Cá nhân	299.305	1,13%	219.305	0,83%	(80.000)	-0,30%
3 Lê Quang Chính (**) (***)	157.428	0,59%	8.888	0,03%	(148.540)	-0,56%
4 Lê Hùng Dũng (**) (***) (***)	187.500	0,71%	187.500	0,71%	-	-
5 Bùi Xuân Thoa (**)	87.055	0,33%	3.535	0,01%	(83.520)	-0,31%
6 Đỗ Văn Nam (**)	18.280	0,07%	18.280	0,07%	-	-
7 Nguyễn Công Trung (**)	-	-	991.437	3,73%	991.437	3,73%
- Đại diện	-	-	991.437	3,73%	991.437	3,73%
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
8 Nguyễn Đăng Quang (**)	6.677.630	25,12%	7.070.455	26,60%	392.825	1,48%
- Đại diện	6.677.630	25,12%	7.070.455	26,60%	392.825	1,48%
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
9 Trương Công Thắng (**)	6.677.631	25,12%	7.070.456	26,60%	392.825	1,48%
- Đại diện	6.677.631	25,12%	7.070.456	26,60%	392.825	1,48%
- Cá nhân	-	-	-	-	-	-
10 Tô Hải (**)	3.337	0,01%	3.337	0,01%	-	-
11 Đinh Quang Hoàn (**)	-	-	-	-	-	-
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>						
1 Nguyễn Ngọc Tuấn	10.855	0,04%	855	0,00%	10.000	0,04%
2 Đỗ Xuân Hậu	-	-	-	-	-	-
3 Huỳnh Thiên Phú	-	-	-	-	-	-

**THAY ĐỔI TỶ LỆ SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN**

	Tại thời điểm 31/12 của năm tài chính					
	2011		2012		Thay đổi	
	CP	%	CP	%	CP	%
1 TCty Cà phê Việt Nam - Cty TNHH MTV	9.914.375	37,30%	9.914.375	37,30%	-	-
2 Cty CP Hàng Tiêu dùng Masan	13.355.261	50,25%	14.140.911	53,20%	785.650	2,96%

**Ghi chú :**

(\*) : Chủ tịch HĐQT

(\*\*) : Thành viên HĐQT

(\*\*\*) Ban Điều hành

(\*\*\*\*) Kế toán trưởng

**THÔNG TIN VỀ CÁC GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/ CHUYỂN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP CỦA CÁC CỔ ĐỒNG LỚN VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN:**

1. Ông Lê Quang Chính, thành viên HĐQT, bán 148.540 cổ phiếu, tương đương 0,56% vốn điều lệ.
2. Ông Bùi Xuân Thoa, thành viên HĐQT, bán 83.520 cổ phiếu, tương đương 0,31% vốn điều lệ.
3. Ông Phạm Quang Vũ, Phó Chủ tịch HĐQT, bán 80.000 cổ phiếu, tương đương 0.30% vốn điều lệ
4. Bà Hoàng Mỹ Linh, vợ ông Đỗ Văn Nam, thành viên HĐQT, bán 75.280 cổ phiếu.
5. Bà Lâm Thanh Xuân, vợ ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Trưởng ban Kiểm soát, bán 600 cổ phiếu.
6. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Trưởng ban Kiểm soát, bán 10.000 cổ phiếu, tương đương 0.04% vốn điều lệ
7. Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan mua thêm 785.650 cổ phiếu, tương đương 2.96% vốn điều lệ.

## 5. GIỚI THIỆU CÁC CỔ ĐỒNG

### CỔ ĐỒNG NHÀ NƯỚC

**TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Địa chỉ: 211-213-213A, Trần Huy Liệu, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện phần vốn góp:

- Ông Đoàn Đình Thiêm- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam.
- Ông Phạm Quang Vũ- Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa
- Ông Nguyễn Công Trung- là Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

### CỔ ĐỒNG LỚN

1. Tổng Công ty Cà phê Việt Nam-công ty TNHH Một thành viên;

2. Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Địa chỉ: Kumho Asiana Plaza, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện phần vốn góp:

- Ông Nguyễn Đăng Quang- Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Masan group.
- Ông Trương Công Thắng- Tổng Giám đốc Công ty cổ phần hàng tiêu dùng Masan.

### CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP

**1. TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM- CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Người đại diện phần vốn góp:

- Ông Đoàn Đình Thiêm- Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng công ty Cà phê Việt Nam.
- Ông Phạm Quang Vũ- Tổng Giám đốc Công ty CP Vinacafé Biên Hòa
- Ông Nguyễn Công Trung- là Phó trưởng Ban Pháp chế - Thanh tra, Thường trực Ban Đổi mới & Phát triển doanh nghiệp Tổng công ty Cà phê Việt Nam.

**2. Ông Phạm Quang Vũ**

141/49, Khu phố 2, phường Tân Phong, TP.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

**3. Ông Bùi Xuân Thoa:**

107/19, Trương Định, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Nguyên Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

**4. Ông Lê Quang Chính:**

100 Đất Thánh, Phường 6, Quận Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh.

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

**5. Ông Lê Hùng Dũng**

182/4E, Bạch Đằng, phường 24, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa

## CỔ ĐỒNG NƯỚC NGOÀI

Tính đến ngày 31/11/2012 hiện có 41 cổ đông nước ngoài nắm giữ 1460002 cổ phiếu, chiếm 5,49% vốn điều lệ của Vinacafé Biên Hòa

STT	TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN	ĐỊA CHỈ	SỐ CP	TỶ LỆ %
1	BARCA GLOBAL MASTER FUND, L.P.	NEMOURS CHAMBERS, PO BOX 3170, ROAD TOWN, TORTOLA, BRITISH VIRGIN ISLANDS	395.490	1,49
2	TEMPLETON DEVELOPING MARKETS TRUST	500 EAST BROWARD BOULEVARD, FORT LAUDERDALE,FLORIDA 33394 - 3091	283.000	1,06
3	T.I.M VIETNAM TIGER FUND	UNIT 2,33RD FLOOR, BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU ST.,DIST.1, HCMC	153.490	0,58
4	FRANKLIN TEMPLETON INVESTM ENT FUNDS -TEMPLETON EMERGING MARKETS FUND	26 BOULEVARD ROYAL, L -2449 LUXEMBOURG	141.910	0,53
5	KWE BETEILIGUNGEN AG	UNIT2, 33RD FLOOR, BITEXCO FINANCIALTOWER, 02 HAI TRIEU ST., DIST 1, HCMC	108.630	0,41
6	CÁC CỔ ĐỒNG NƯỚC NGOÀI KHÁC		377.482	1,42
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>1.460.002</b>	<b>5,49</b>



VINACAFÉ BH

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINACAFÉ BIÊN HÒA**  
Khu công nghiệp Biên Hòa 1 - Tỉnh Đồng Nai  
Tel: (061) 3836554 - Fax: (061) 3836108  
Email: [vinacafe@vinacafebienhoa.com](mailto:vinacafe@vinacafebienhoa.com)  
Website: [www.vinacafebienhoa.com](http://www.vinacafebienhoa.com)